

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
PHÂN HIỆU TẠI KON TUM

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

Tên báo cáo:

**PHÂN TÍCH CHỈ SỐ PAPI VÀ PAR INDEX
TỈNH KON TUM QUA CÁC NĂM 2016-2017**

Kon Tum, 2018

MỤC LỤC

PHẦN I: TỔNG QUAN.....	iv
1. Đặt vấn đề	1
2. Mục tiêu báo cáo.....	1
3. Chỉ tiêu đo lường hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) và chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX)	1
3.1. Chỉ số hiệu quả hành chính công cấp tỉnh Papi.....	1
3.2. Chỉ số cải cách hành chính Par index.....	2
PHẦN II: ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP TỈNH NĂM 2016-2017	3
2.1. Chỉ số tổng hợp.....	3
2.2. Chỉ số thành phần	6
2.2.1. Chỉ số 1: Về sự tham gia của người dân ở cấp cơ sở.....	6
2.2.2. Chỉ số 2: Về chỉ tiêu công khai minh bạch	9
2.2.3. Chỉ số 3: Về trách nhiệm giải trình với người dân.....	12
2.2.4. Chỉ tiêu 4: Về kiểm soát tham nhũng trong khu vực công.....	15
2.2.5. Chỉ tiêu 5: Về thủ tục hành chính công.....	19
PHẦN 3: KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2016-2017 CỦA UBND TỈNH KON TUM.....	25
3.1. Chỉ số tổng hợp.....	25
3.2. Chỉ số thành phần kết quả cải cách hành chính năm 2016-2017.....	27
3.2.1. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính.....	27
3.2.2. Xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL tại tỉnh.....	29
3.2.4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính.....	33
3.2.5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC	34
3.2.6. Cải cách tài chính công	37
3.2.7. Hiện đại hóa hành chính.....	38
3.2.8. Tác động của cải cách hành chính đến sự hài lòng của người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	39
PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP.....	41
4.1. Đánh giá chung	41
4.1.1. Những kết quả đạt được	41

4.1.2. Tồn tại, hạn chế	41
4.2. Kiến nghị.....	42
4.2.1. Kiến nghị chung	42
4.2.2. Kiến nghị nâng cao chỉ số Papi	42
4.2.3. Kiến nghị nâng cao chỉ số Par index	43

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2. 1. Tổng hợp Papi 2016 khu vực Tây Nguyên.....	3
Bảng 2. 2. Tổng hợp Papi 2017 khu vực Tây Nguyên.....	4
Bảng 2. 3: Thứ hạng các chỉ số Papi của tỉnh Kon Tum năm 2016-2017	5
Bảng 2. 4. Đánh giá về sự tham gia của người dân cấp cơ sở khu vực Tây Nguyên	6
Bảng 2. 5. Chỉ tiêu công khai minh bạch năm 2016-2017.....	9
Bảng 2. 6. Trách nhiệm giải trình với người dân	12
Bảng 2. 7. Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công.....	15
Bảng 2. 8. Đánh giá về thủ tục hành chính công	19
Bảng 2. 9: Cung ứng dịch vụ công tỉnh Kon Tum năm 2016-2017.....	22
Bảng 3. 1: Chỉ số tổng hợp Par index năm 2017	25
Bảng 3. 2: So sánh các chỉ tiêu thành phần giữa năm 2017 và năm 2016 của tỉnh Kon Tum.....	27
Bảng 3. 3: Mức độ đạt được công tác chỉ đạo điều hành CCHC tỉnh Kon Tum năm 2017	29
Bảng 3. 4: Các chỉ tiêu thành phần của lĩnh vực 2 của tỉnh Kon Tum năm 2017	30
Bảng 3. 5: Tiêu chí thành phần cải cách TTHC tỉnh Kon Tum năm 2017	31
Bảng 3. 6: Chỉ tiêu thành phần chỉ số cải cách tổ chức bộ máy năm 2017.....	33
Bảng 3. 7: Chỉ tiêu thành phần chỉ số xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ năm 2017	35
Bảng 3. 8: Chỉ tiêu thành phần chỉ số cải cách tài chính công.....	37
Bảng 3. 9: Các chỉ tiêu thành phần chỉ số hiện đại hóa hành chính Kon Tum	38
Bảng 3. 10: Tác động của CCHC đến sự hài lòng của người dân và tổ chức và phát triển kinh tế xã hội năm 2017	39

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 2. 1: Thứ bậc của các chỉ tiêu thành phần của tỉnh Kon Tum qua 2 năm	5
Hình 2. 2: Chỉ tiêu Tri thức công dân tỉnh Kon Tum năm 2016-2017	7
Hình 2. 3: Cơ hội tham gia của người dân năm 2016-2017.....	7
Hình 2. 4: Chất lượng bầu cử tỉnh Kon Tum năm 2016-2017	8
Hình 2. 5: Chỉ tiêu đóng góp tự nguyện tỉnh Kon Tum năm 2016-2017.....	9
Hình 2. 6: Chỉ tiêu công khai minh bạch năm 2016-2017	10
Hình 2. 7: Chỉ tiêu công khai danh sách hộ nghèo tỉnh Kn Tum năm 2016-2017	11
Hình 2. 8: Công khai ngân sách cấp xã tỉnh Kon Tum năm 2016-2017.....	11
Hình 2. 9: Công khai kế hoạch sử dụng đất và khung giá đất tỉnh Kon Tum năm 2016-2017	12
Hình 2. 10: Trách nhiệm giải trình của tỉnh Kon Tum năm 2016-2017	13
Hình 2. 11: Đáp ứng kiến nghị của người dân tỉnh Kon Tum năm 2016-2017	14
Hình 2. 12: Hiệu quả ban thanh tra nhân dân tỉnh Kon Tum năm 2016-2017.....	15
Hình 2. 13: Tổng điểm kiểm soát tham nhũng tỉnh Kon Tum qua 2 năm 2016-2017..	16
Hình 2. 14: Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền tỉnh Kon Tum	16
Hình 2. 15: Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công	17
Hình 2. 16: Công bằng trong tuyển dụng vào nhà nước	18
Hình 2. 17: Quyết tâm chống tham nhũng.....	18
Hình 2. 18: Chỉ tiêu chứng thực, xác nhận.....	20
Hình 2. 19: Chỉ tiêu cấp giấy phép xây dựng.....	20
Hình 2. 20: Chỉ tiêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	21
Hình 2. 21: Thủ tục hành chính cấp xã/ phường.....	21
Hình 2. 22: Y tế công lập	23
Hình 2. 23: Giáo dục tiểu học công lập.....	23
Hình 2. 24: Chỉ số cơ sở hạ tầng căn bản.....	24
Hình 2. 25: An ninh, trật tự địa bàn khu dân cư.....	24
Hình 3. 1: Thứ hạng tỉnh Kon Tum qua 2 năm 2016-2017 với các địa phương.....	26
Hình 3. 2: Tổng hợp các chỉ số thành phần tỉnh Kon Tum năm 2017	26

Hình 3. 3: Chỉ số công tác chỉ đạo điều hành CCHC của Kon Tum so với các địa phương	28
Hình 3. 4: Chỉ số thành phần công tác chỉ đạo điều hành CCHC tỉnh.....	28
Hình 3. 5: Tổng điểm chỉ số xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL tỉnh Kon Tum	29
Hình 3. 6: Chỉ số cải cách TTHC tỉnh Kon Tum năm 2016-2017	31
Hình 3. 7: Tác động của CC đến tổ chức bộ máy tỉnh Kon Tum năm 2017	34
Hình 3. 8: Xếp hạng các tỉnh khu vực Tây Nguyên theo chỉ số 8	39
Hình 3. 9: Chỉ số Sipas năm 2017 của tỉnh Kon Tum so với giá trị trung bình cả nước	40

PHẦN I: TỔNG QUAN

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ người dân cũng như làm cơ sở thu hút các nhà đầu tư thì việc hướng tới nền hành chính công minh bạch, hiệu quả là rất cần thiết. Hai chỉ số PAPI và PAR index là hai bộ công cụ giúp các chính quyền địa phương nhìn nhận đánh giá tính hữu hiệu của hệ thống hành chính. Mặt khác, căn cứ vào hai bộ chỉ số này giúp các nhà đầu tư dễ dàng tìm kiếm địa phương nào có chính sách, thủ tục đơn giản, môi trường chính trị pháp luật thuận lợi cho sự phát triển.

Kon Tum là địa phương có nhiều nỗ lực trong thời gian qua nhằm nâng cao chỉ số này. Do vậy, thực hiện công văn số 990/SNV-CCHC về việc phân tích kết quả chỉ số PAR Index và chỉ số PAPI tỉnh Kon Tum năm 2017 có so sánh kết quả với năm 2016, Khoa Kinh tế báo cáo kết quả phân tích hai chỉ số này nhằm cung cấp bức tranh rõ ràng và tổng quát về công tác quản trị hành chính công và công tác cải cách hành chính của địa phương trong thời gian qua.

2. Mục tiêu báo cáo

- Phân tích và đánh giá hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh và chỉ số cải cách hành chính tỉnh Kon Tum năm 2016-2017.
- Chỉ rõ được thành công và hạn chế của công tác hành chính công và cải cách hành chính của tỉnh Kon Tum qua 2 năm 2016-2017 qua hai chỉ số Papi và Par index.
- Đề xuất các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, hành chính công và công tác cải cách hành chính và nâng cao chỉ số Papi năm 2019, Par index cho thời gian tới.

3. Chỉ tiêu đo lường hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) và chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX)

3.1. Chỉ số hiệu quả hành chính công cấp tỉnh Papi

Hiệu quả của hành chính công là thể hiện sự quản lý của bộ máy nhà nước có kết quả do sự vận hành tổng thể hệ thống chính trị, bao gồm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của bộ máy nhà nước và vai trò làm chủ của nhân dân thông qua các đoàn thể chính trị, xã hội, nghề nghiệp.

Chỉ số PAPI là một thước đo lường từ kinh nghiệm thực tế của người dân khi tiếp xúc với cơ quan công quyền. PAPI có thể nói là tấm gương ghi nhận và phản chiếu chân thực về thực tế “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Cụ thể hơn PAPI cung cấp thông tin khách quan về những trải nghiệm, mối quan tâm của người dân với chính quyền địa phương, làm rõ những trải nghiệm thực tế của người dân từ đó làm cơ sở cho cấp chính quyền hiện thực hóa phương châm “dân làm”. Chỉ số này được thực hiện trên 63 tỉnh thành khắp cả nước, phản ánh những cảm nhận và trải nghiệm của người dân trên khắp cả nước và đánh dấu bước ngoặt lớn trong việc nỗ lực hỗ trợ cải thiện quy trình hoạch định chính sách dựa trên dữ liệu thực chứng. PAPI được cấu thành bởi 6 lĩnh vực nội dung lớn, 22 nội dung thành phần và 92 chỉ số thành phần. Chỉ số tổng hợp PAPI được tổng hợp thông qua tính toán theo một quy trình lập trình chặt chẽ với 5.796 biến độc lập, 1.368 điểm ở cấp nội dung thành phần và 378 điểm ở cấp trực nội dung.

Trực nội dung cụ thể mà PAPI xây dựng bao gồm: (i) tham gia của người dân cấp cơ sở, (ii) công khai, minh bạch, (iii) trách nhiệm giải trình với người dân (iv) kiểm soát tham nhũng trong khu vực công, (v) thủ tục hành chính công và (vi) cung ứng dịch vụ công.

3.2. Chỉ số cải cách hành chính Par index

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh được cấu trúc thành 8 lĩnh vực đánh giá, 38 tiêu chí, 81 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

- + Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 6 tiêu chí và 6 tiêu chí thành phần;
- + Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh: 4 tiêu chí và 6 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách thủ tục hành chính: 5 tiêu chí và 16 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 4 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần;
- + Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: 9 tiêu chí và 16 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách tài chính công: 3 tiêu chí và 6 tiêu chí thành phần;
- + Hiện đại hoá hành chính: 5 tiêu chí và 18 tiêu chí thành phần;
- + Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh: 2 tiêu chí, 3 tiêu chí thành phần;

Trên sở sở tự đánh giá của cán bộ cấp tỉnh, Hội đồng thẩm định của Bộ nội vụ xem xét, công nhận, kết hợp với điều tra xã hội học từ đó xây dựng chỉ số PAR index.

PHẦN II: ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP TỈNH NĂM 2016-2017

2.1. Chỉ số tổng hợp

Theo kết quả của Papi năm 2016 và 2017, vị trí của Kon Tum và các tỉnh Tây Nguyên như sau:

Bảng 2. 1. Tổng hợp Papi 2016 khu vực Tây Nguyên

Tỉnh	1. Tham gia của người dân ở cấp cơ sở	2. Công khai, minh bạch	3. Trách nhiệm giải trình với người dân	4. Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công	5. Thủ tục hành chính công	6. Cung ứng dịch vụ công	Tổng hợp năm 2016
Đắk Lắk	5,79	5,49	4,83	5,6	7,17	6,78	35,65
Lâm Đồng	5,39	5,32	5,17	5,5	6,8	7,02	35,20
Kon Tum	5,19	5,15	5,41	5,37	6,8	6,88	34,8
Gia Lai	5,47	5,09	4,85	5,44	6,96	6,65	34,46
Đắk Nông	5,43	5,61	5,21	5,94	6,78	6,93	35,89
Cao nhất	6,81	6,49	5,97	7,14	7,67	8,03	42,10

Chú thích:

Nhóm đạt điểm cao nhất	Nhóm đạt điểm trung bình cao	Nhóm đạt điểm trung bình thấp	Nhóm đạt điểm thấp nhất
------------------------	------------------------------	-------------------------------	-------------------------

Nguồn: Tổng hợp từ <http://papi.org.vn/> năm 2017

Năm 2016, Chỉ số Papi cho thấy thấp nhất là tỉnh Gia Lai đạt 34,46 điểm, xếp vào nhóm đạt điểm thấp nhất. Tiếp theo là tỉnh Kon Tum đạt 34,8 điểm, Lâm Đồng đạt 35,2 điểm, Đắk Lắk có vị trí thứ 4 trong khu vực đạt 35,65 điểm, ba tỉnh này xếp vào nhóm đạt điểm trung bình thấp. Cao nhất khu vực là Đắk Nông đạt 35,89 điểm thuộc nhóm đạt điểm trung bình cao.

Năm 2017, cả năm tỉnh Tây Nguyên đều rơi vào nhóm đạt điểm thấp nhất trong cả nước. Tuy nhiên, nhìn trong toàn khu vực, chỉ số tổng hợp Papi của Kon Tum được cải thiện đáng kể trong năm qua đạt 35,12 điểm xếp thứ 2 toàn khu vực sau Lâm Đồng. Trong đó chỉ số trách nhiệm giải trình với người dân thuộc nhóm đạt điểm cao nhất với số điểm 5.4. Đây là tín hiệu đáng mừng cho địa phương trong nỗ lực cải cách hành chính. (Chi tiết bảng 2.2).

Bảng 2. 2. Tổng hợp Papi 2017 khu vực Tây Nguyên

Tỉnh	1. Tham gia của người dân ở cấp cơ sở	2. Công khai, minh bạch	3. Trách nhiệm giải trình với người dân	4. Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công	5. Thủ tục hành chính công	6. Cung ứng dịch vụ công	Tổng hợp năm 2017
Đắk Lắk	5,21	5,17	4,82	5,20	7,24	7,00	34,64
Lâm Đồng	5,58	5,33	4,51	5,96	6,81	7,01	35,21
Kon Tum	5,19	5,09	5,40	5,43	7,11	6,90	35,12
Gia Lai	5,29	5,47	4,28	5,71	6,99	6,8	34,54
Đắk Nông	5,25	5,61	4,40	5,09	7,18	7,05	34,57
Cao nhất	6,41	6,47	6,25	7,23	7,69	7,83	41,87

Chú thích:

Nhóm đạt điểm cao nhất	Nhóm đạt điểm trung bình cao	Nhóm đạt điểm trung bình thấp	Nhóm đạt điểm thấp nhất
------------------------	------------------------------	-------------------------------	-------------------------

Nguồn: Tổng hợp từ <http://papi.org.vn/> năm 2018

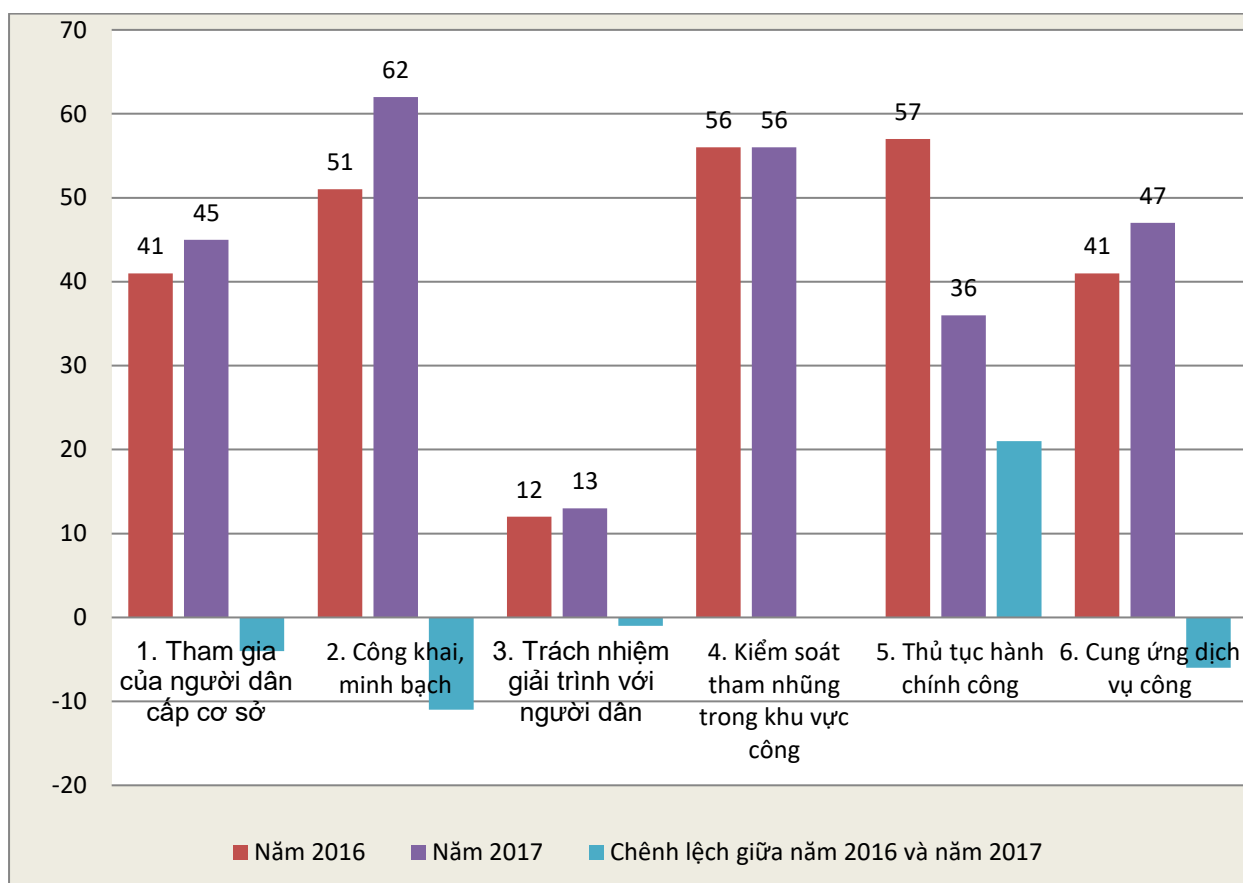
Chú thích: Mã màu chia theo bách phân vị

Bảng 2. 3: Thứ hạng các chỉ số Papi của tỉnh Kon Tum năm 2016-2017

Tiêu chí	Năm 2016		Năm 2017	
	Điểm	Thứ bậc	Điểm	Thứ bậc
1. Tham gia của người dân cấp cơ sở	5,19	41	5,19	45
2. Công khai, minh bạch	5,15	51	5,09	62
3. Trách nhiệm giải trình với người dân	5,41	12	5,4	13
4. Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công	5,37	56	5,43	56
5. Thủ tục hành chính công	6,8	57	7,11	36
6. Cung ứng dịch vụ công	6,88	41	6,9	47

Nguồn: Tổng hợp dữ liệu Papi 2016 và Papi 2017

Hình 2. 1: Thứ bậc của các chỉ tiêu thành phần của tỉnh Kon Tum qua 2 năm



Kết quả về thứ bậc qua 2 năm 2016-2017 cho thấy, hầu hết 5 chỉ số đều sụt giảm, trừ “thủ tục hành chính công” cải thiện vượt bậc từ 57/63 lên vị trí thứ 36/63. Chỉ tiêu “*tham gia của người dân cấp cơ sở*” mặc dù cùng số điểm nhưng năm 2017 xếp vị trí 45/63 so với năm 2016 sụt 4 bậc. Chỉ số “*Công khai minh bạch*” năm 2017 đạt 5,09 điểm, sụt

giảm 0,06 điểm so với năm 2016 khiến cho thứ hạng chỉ tiêu này tụt xuống 62/63 so với năm 2016 là 51/63. *Trách nhiệm giải trình với người dân* giảm nhẹ từ vị trí số 12/63 vào năm 2016 xuống vị trí 13/63 vào năm 2017. Việc *Kiểm soát tham nhũng* không có sự thay đổi. *Cung ứng dịch vụ công* giảm từ vị trí 41/63 vào năm 2016 xuống 49/63 vào năm 2017.

Như vậy, xét trên khía cạnh chỉ số tổng hợp, Kon Tum cần tập trung vào các chỉ tiêu *sự tham gia của người dân, công khai minh bạch, kiểm soát tham nhũng, và cung ứng dịch vụ công*. Đây là 4 chỉ tiêu cần quan tâm để cải thiện hơn so với hai chỉ tiêu còn lại.

2.2. Chỉ số thành phần

2.2.1. Chỉ số 1: Về sự tham gia của người dân ở cấp cơ sở

Bảng 2. 4. Đánh giá về sự tham gia của người dân cấp cơ sở khu vực Tây Nguyên

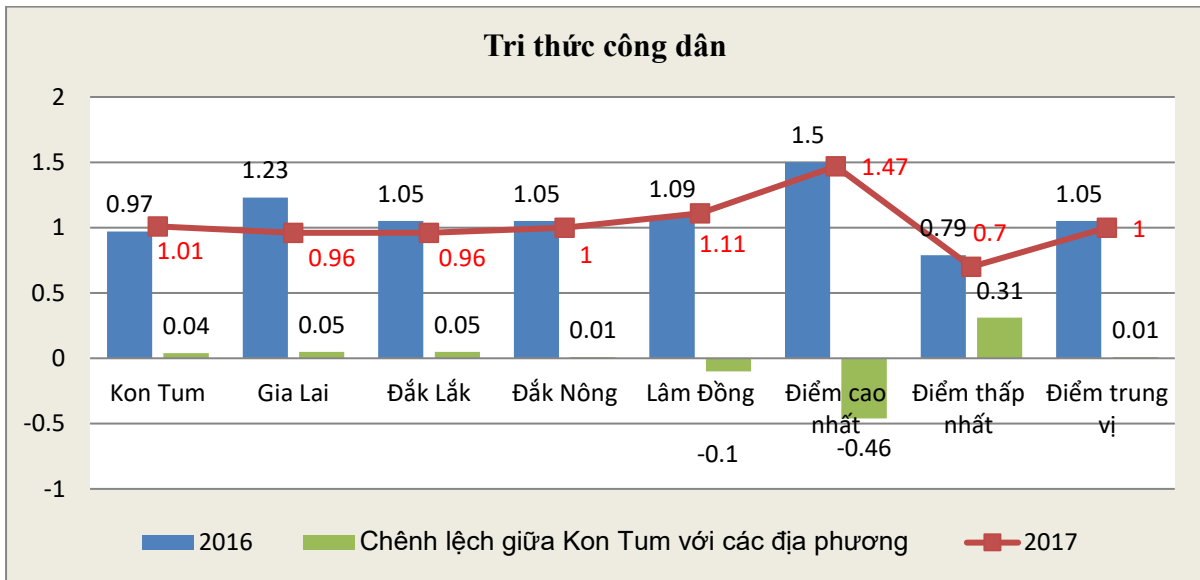
Chỉ tiêu	Tổng điểm		Tri thức công dân		Cơ hội tham gia		Chất lượng bầu cử		Đóng góp tự nguyện	
	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017
Kon Tum	5,19	5,19	0,97	1,01	1,86	1,79	1,53	1,53	0,82	0,85
Gia Lai	5,47	5,29	1,23	0,96	1,84	1,71	1,55	1,56	0,85	1,05
Đắk Lắk	5,79	5,21	1,05	0,96	2,10	1,71	1,61	1,52	1,02	1,02
Đắk Nông	5,43	5,25	1,05	1,00	1,87	1,72	1,69	1,69	0,83	0,84
Lâm Đồng	5,39	5,58	1,09	1,11	2,04	1,89	1,48	1,43	0,78	1,15
Điểm cao nhất	6,81	6,41	1,50	1,47	2,13	2,03	1,87	1,85	1,42	1,80
Điểm thấp nhất	4,43	4,33	0,79	0,70	1,55	1,43	1,15	1,26	0,59	0,67
Điểm trung vị	5,35	5,27	1,05	1,00	1,90	1,74	1,52	1,58	0,87	0,79

Nguồn: Tổng hợp dữ liệu Papi

Trong 5 tỉnh khu vực Tây Nguyên, với chỉ số *tham gia của người dân*, tỉnh Kon Tum đứng ở vị trí thấp nhất trong khu vực liên tục qua 2 năm 2016-2017, với số điểm đạt được 5,19, thấp hơn so với điểm trung vị (trung vị năm 2016 là 5,35 điểm, năm 2017 là 5,27 điểm). Cụ thể:

- Chỉ tiêu: Tri thức công dân

Hình 2. 2: Chỉ tiêu Tri thức công dân tỉnh Kon Tum năm 2016-2017

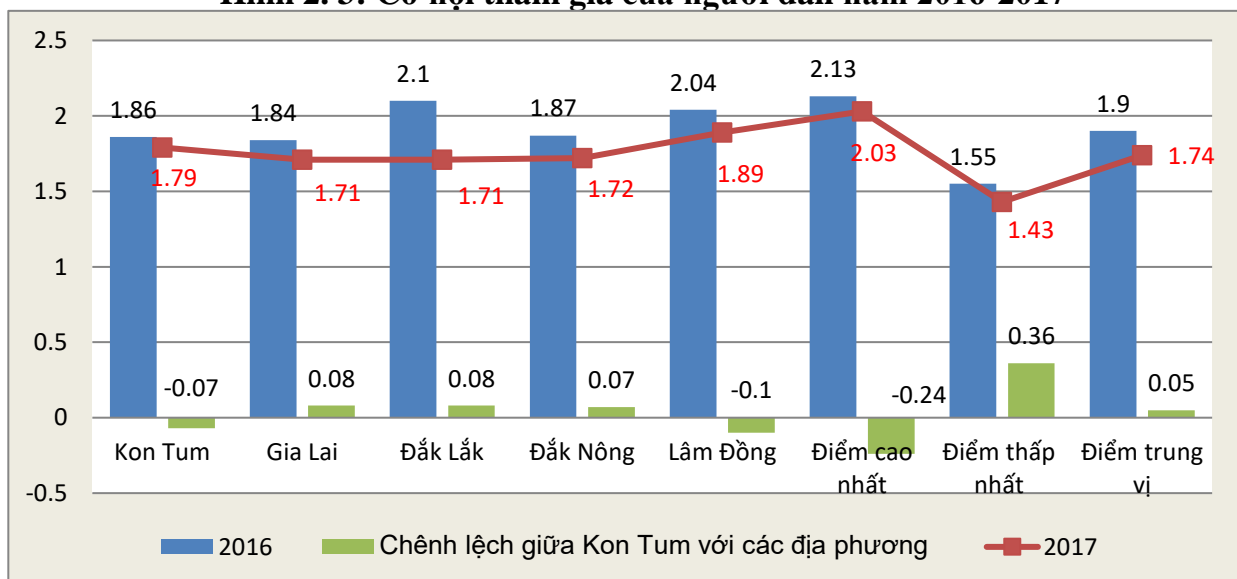


Tri thức công dân thể hiện giúp làm rõ mức độ hiểu biết của người dân về quyền bầu cử và quyền công dân, qua đó đánh giá hiệu quả của các cấp chính quyền trong việc phổ biến quyền được biết tới người dân.

Năm 2017, tỉnh Kon Tum có số điểm cao hơn so với năm 2016, từ 0,97 điểm lên 1,01 điểm. So với các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk thì tỉnh Kon Tum có số điểm cao hơn nhưng so với Đắk Nông và Lâm đồng thì thấp hơn. So với địa phương đạt điểm cao nhất chênh lệch 0,46 điểm, cao hơn địa phương ở vị trí trung vị 0,01 điểm.

- Chỉ tiêu: cơ hội tham gia của người dân

Hình 2. 3: Cơ hội tham gia của người dân năm 2016-2017

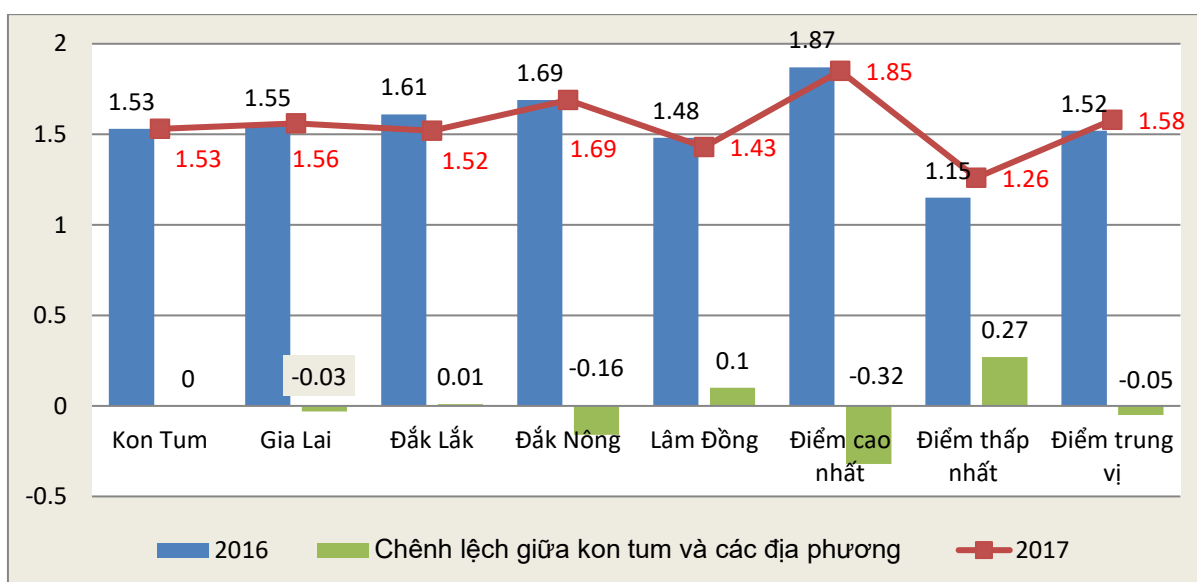


“Cơ hội tham gia tìm hiểu trải nghiệm của người dân khi tham gia bầu cử các vị trí dân cử gồm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng Nhân dân (HĐND) và trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố”. Năm 2017 tỉnh Kon Tum đạt 1,79 điểm thấp hơn năm 2016 là 0,07 điểm. Tuy nhiên, Kon Tum lại có số điểm cao hơn so với các địa phương Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, cao hơn địa phương ở vị trí trung vị là 0,05 điểm. So với địa phương có điểm cao nhất là 0,24 điểm.

- Chỉ tiêu chất lượng bầu cử

Chất lượng bầu cử trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố được đánh giá dựa trên các tiêu chí đo lường việc người dân tự quyết định lựa chọn ứng viên, cách thức tổ chức buổi bầu cử nhằm đảm bảo lựa chọn ứng viên một cách công bằng và minh bạch.

Hình 2. 4: Chất lượng bầu cử tỉnh Kon Tum năm 2016-2017

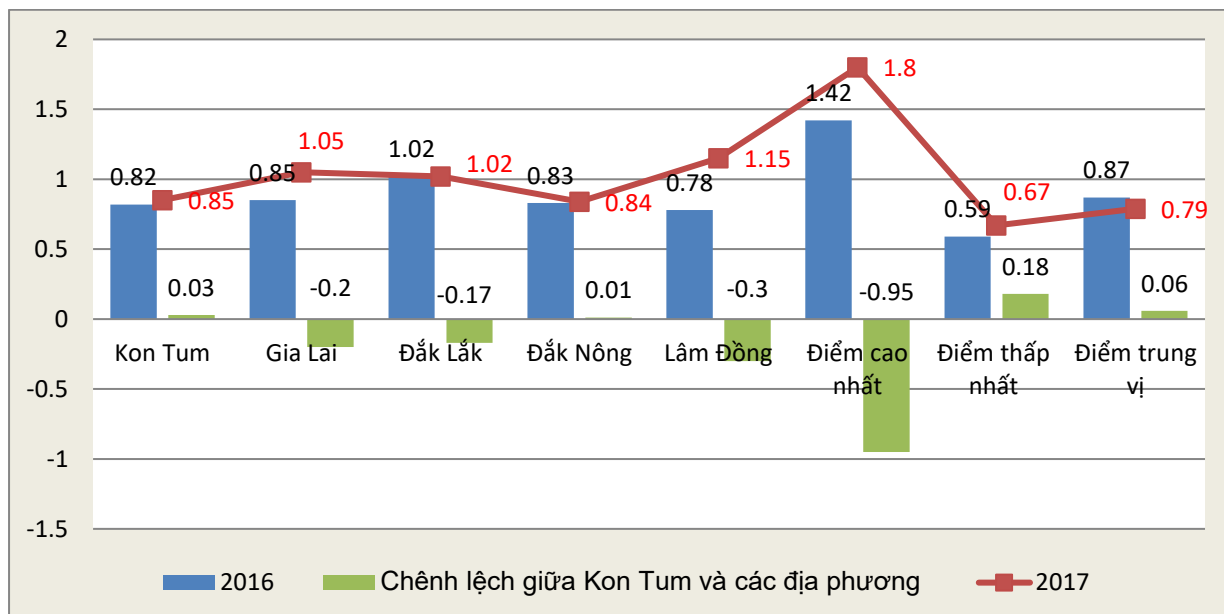


Chất lượng bầu cử qua 2 năm 2016-2017 của tỉnh Kon Tum không thay đổi. Chỉ tiêu này, tỉnh Kon Tum thấp hơn Gia Lai, Đắk Nông, địa phương ở vị trí trung vị lần lượt là 0,03 điểm; 0,16 điểm; và 0,05 điểm; so với địa phương cao nhất là 0,32 điểm.

- Chỉ tiêu đóng góp tự nguyện

Đóng góp tự nguyện để đầu tư xây mới hoặc tu sửa các công trình công cộng, dân sinh ở địa bàn dân cư, như nhà văn hóa, đường xá, trường mầm non là một hình thức biểu hiện sự tham gia tự nguyện, chủ động của người dân, thay vì bị chính quyền ép buộc”.

Hình 2. 5: Chỉ tiêu đóng góp tự nguyện tỉnh Kon Tum năm 2016-2017



Năm 2017, chỉ tiêu này cao hơn so với năm 2016 là 0,03 điểm, cao hơn địa phương ở vị trí trung vị là 0,06 điểm. Tuy nhiên, chỉ tiêu này Kon Tum chỉ cao hơn Đắk Nông 0,01 điểm; so với 3 tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng thì Kon Tum có điểm thấp hơn lần lượt là 0,2 điểm; 0,17 điểm; và 0,3 điểm; với địa phương cao nhất là 0,95 điểm.

2.2.2. Chỉ số 2: Về chỉ tiêu công khai minh bạch

Chỉ tiêu công khai minh bạch thể hiện qua 3 tiêu chí công khai danh sách hộ nghèo, công khai ngân sách cấp xã và công khai kết hoạch sử dụng đất và khung giá đất.

Năm 2016 và năm 2017, các tỉnh khu vực Tây Nguyên đều có giá trị thấp hơn so với điểm trung vị. Trong đó, năm 2017, Kon Tum đạt 5,09 điểm, thấp nhất trong toàn khu vực và sụt giảm 0,06 điểm so với năm 2016. Do vậy, với chỉ tiêu công khai minh bạch sẽ là một trong những tiêu chí cần lưu ý của tỉnh Kon Tum nhằm cải thiện chỉ số này.

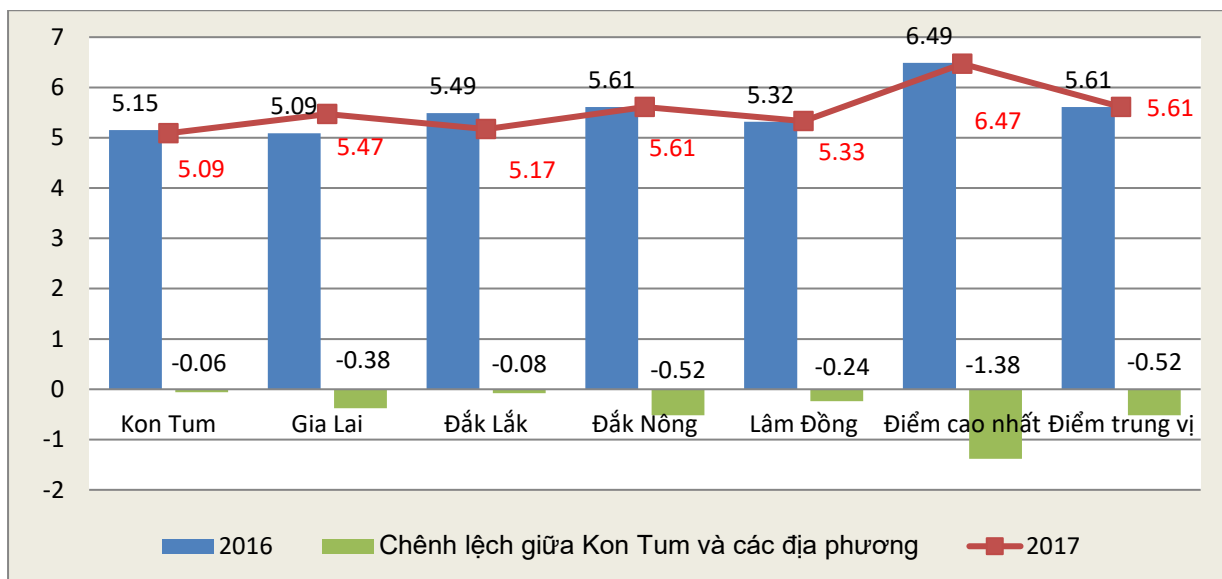
Bảng 2. 5. Chỉ tiêu công khai minh bạch năm 2016-2017

Chỉ tiêu	Tổng điểm		Công khai danh sách hộ nghèo		Công khai ngân sách cấp xã		Công khai kế hoạch sử dụng đất và khung giá đất	
	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017
Kon Tum	5,15	5,09	1,82	1,76	1,72	1,73	1,62	1,60
Gia Lai	5,09	5,47	2,08	2,08	1,39	1,53	1,62	1,86

Đắk Lắk	5,49	5,17	2,12	1,90	1,72	1,53	1,66	1,74
Đắk Nông	5,61	5,61	2,12	2,21	1,85	1,76	1,64	1,64
Lâm Đồng	5,32	5,33	1,90	2,01	1,69	1,67	1,73	1,65
Điểm cao nhất	6,49	6,47	2,77	2,69	2,11	2,01	2,07	2,07
Điểm trung vị	5,61	5,61	2,17	2,15	1,68	1,71	1,73	1,75

Nguồn: Tổng hợp dữ liệu Papi

Hình 2. 6: Chỉ tiêu công khai minh bạch năm 2016-2017

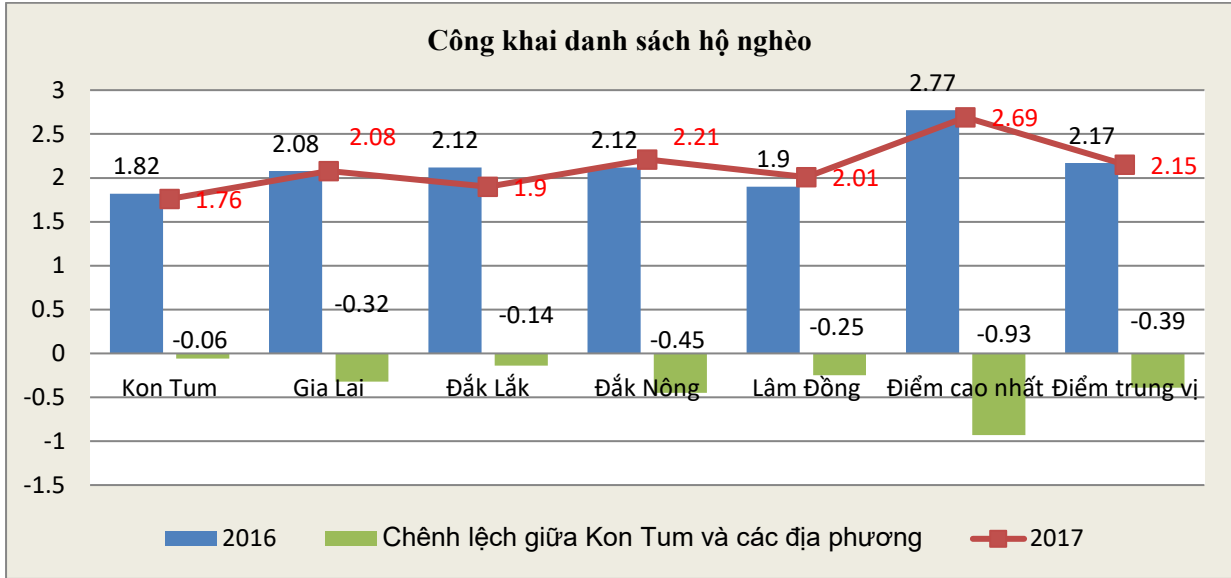


Tại hình 2.6 có thể thấy rõ hơn năm 2017, chỉ tiêu công khai minh bạch của địa phương là một trong những chỉ tiêu đáng quan ngại.

- Chỉ tiêu Công khai danh sách hộ nghèo

“Mức độ công khai danh sách hộ nghèo với người dân trong năm vừa qua và phản ánh đánh giá của người dân về chất lượng lập danh sách hộ nghèo của chính quyền cơ sở”. Năm 2017, tỉnh Kon Tum đạt 1,76 điểm thấp hơn năm 2016 1,82 điểm và thấp hơn so với toàn khu vực. So với địa phương ở vị trí trung vị, Kon Tum thấp hơn 0,39 điểm, so với địa phương cao nhất là 0,93 điểm.

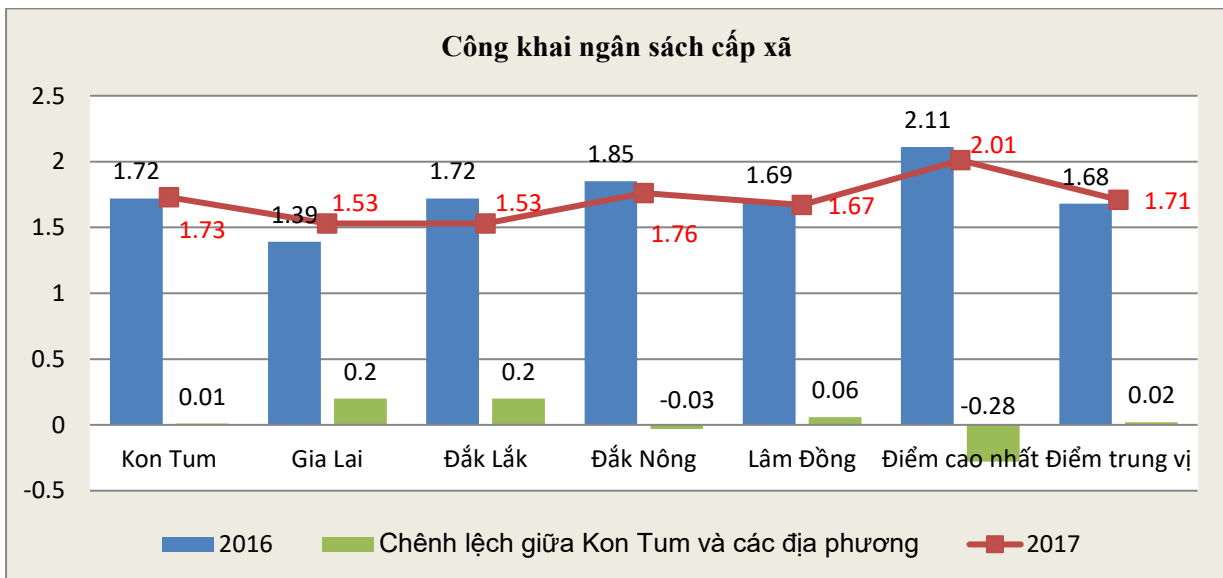
Hình 2. 7: Chỉ tiêu công khai danh sách hộ nghèo tỉnh Kn Tum năm 2016-2017



- Chỉ tiêu công khai ngân sách cấp xã

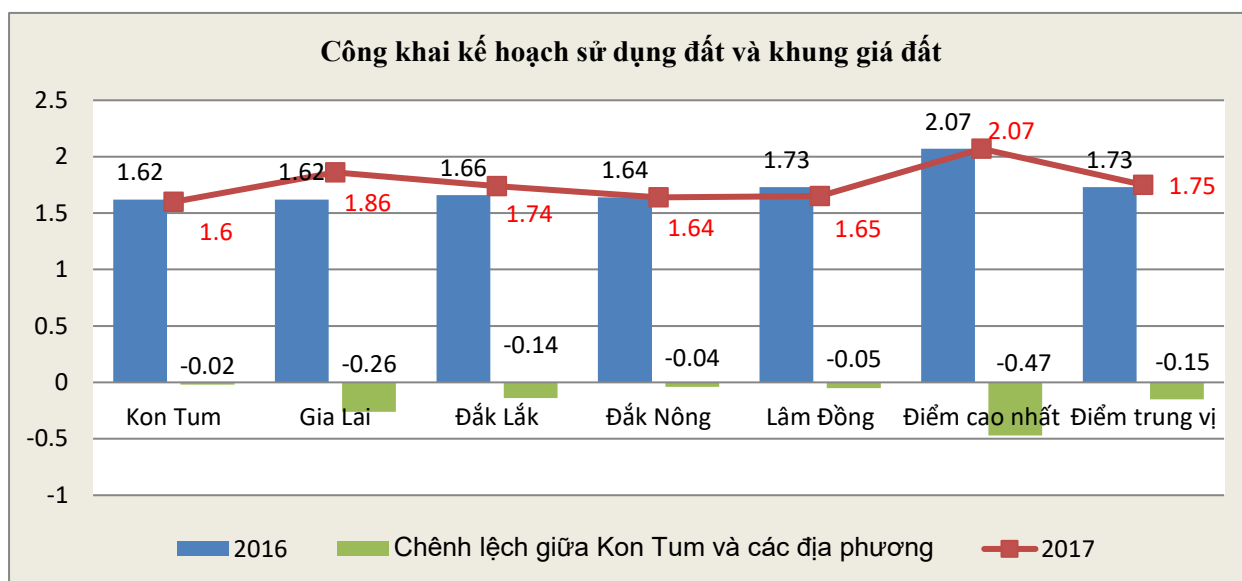
“Công khai ngân sách cấp xã/phường. Khi người dân được thông tin đầy đủ về thu, chi ngân sách của xã/phường, người dân sẽ thực hiện được quyền tham gia giám sát cán bộ, công chức ở địa phương, đồng thời giúp phát hiện những hành vi sử dụng công quỹ cho mục đích riêng của cán bộ chính quyền cơ sở”. Năm 2017, Kon Tum đạt điểm cao hơn so với năm 2016 là 0,01 điểm, cao hơn Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng và địa phương ở trung vị là 0,02 điểm. Thấp hơn Đắk Nông 0,03 điểm và địa phương cao nhất là 0,28 điểm.

Hình 2. 8: Công khai ngân sách cấp xã tỉnh Kon Tum năm 2016-2017



- Chỉ tiêu: Công khai kế hoạch sử dụng đất và khung giá đất

Hình 2. 9: Công khai kế hoạch sử dụng đất và khung giá đất tỉnh Kon Tum năm 2016-2017



“Đo lường mức độ công khai, minh bạch về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và khung giá đền bù đất có ý nghĩa quan trọng, bởi qua đó các cấp chính quyền địa phương có thể xem xét mức độ hiệu quả trong việc thực hiện các chính sách về đất đai, đảm bảo công khai, minh bạch thông tin tới người dân theo tinh thần của Pháp lệnh THDCCS và Luật đất đai (sửa đổi) năm 2013”. Năm 2017, tỉnh Kon Tum có điểm số thấp hơn so với năm 2016 là 0,02 điểm, thấp hơn so với các địa phương trong khu vực, so với địa phương trung vị là 0,15 điểm. Đây là điểm mà chính quyền địa phương cần quan tâm.

2.2.3. Chỉ số 3: Về trách nhiệm giải trình với người dân

Bảng 2. 6. Trách nhiệm giải trình với người dân

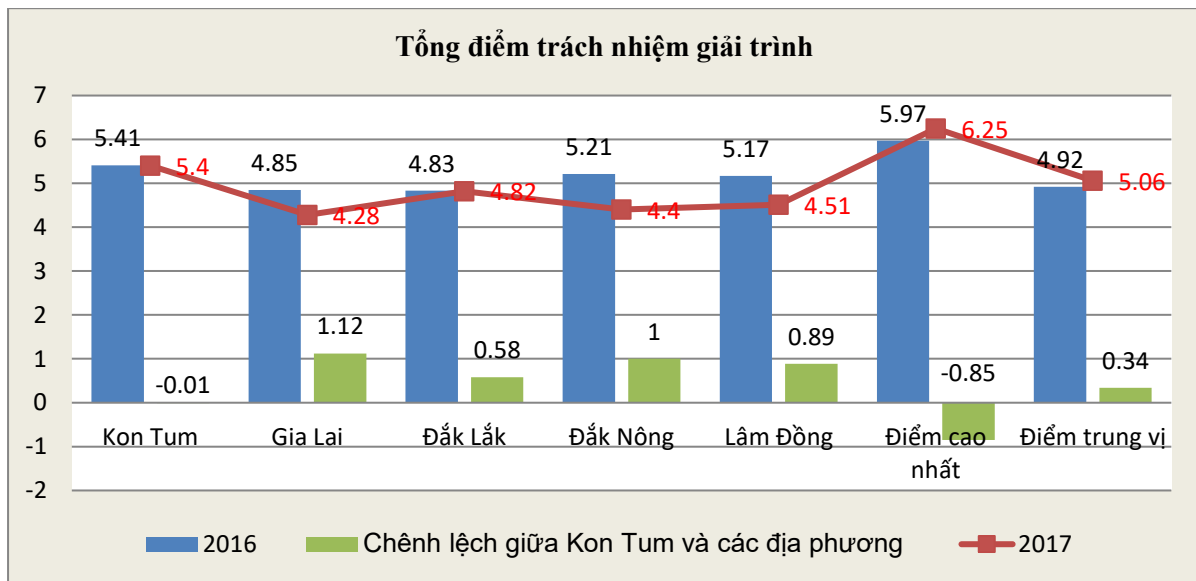
Chỉ tiêu	Tổng điểm		Hiệu quả tương tác với các cấp chính quyền		Đáp ứng kiến nghị của người dân		Hiệu quả của Ban thanh tra nhân dân	
	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017
Kon Tum	5,41	5,40	2,26	2,25	1,98	2,00	1,17	1,15
Gia Lai	4,85	4,28	2,00	2,09	1,78	0,95	1,07	1,24
Đắk Lắk	4,83	4,82	2,30	2,08	1,36	1,49	1,17	1,25
Đắk Nông	5,21	4,40	2,27	2,15	1,71	1,13	1,23	1,12

Lâm Đồng	5,17	4,51	2,24	2,16	1,67	1,12	1,25	1,24
Điểm cao nhất	5,97	6,25	2,59	2,51	2,20	2,33	1,65	1,72
Điểm trung vị	4,92	5,06	2,19	2,23	1,49	1,53	1,25	1,28

Nguồn: Tổng hợp dữ liệu Papi

Trách nhiệm giải trình với người dân thể hiện những cơ chế đối thoại giữa chính quyền và người dân, và thiết chế để người dân thực hiện vai trò giám sát hiệu quả thực thi chức năng quản lý nhà nước của chính quyền cấp cơ sở đóng vai trò thúc đẩy thực hiện quyền “dân bàn” và “dân kiểm tra”. Trong 5 tỉnh thì Kon Tum được xếp vào nhóm có điểm trung bình cao đạt 5,4 điểm. Các tỉnh còn lại nhóm có điểm trung bình thấp, còn Đắk Nông xếp vào nhóm điểm trung bình thấp nhất. Tuy nhiên, năm 2017 có điểm thấp hơn so với năm 2016 là 0,01 điểm.

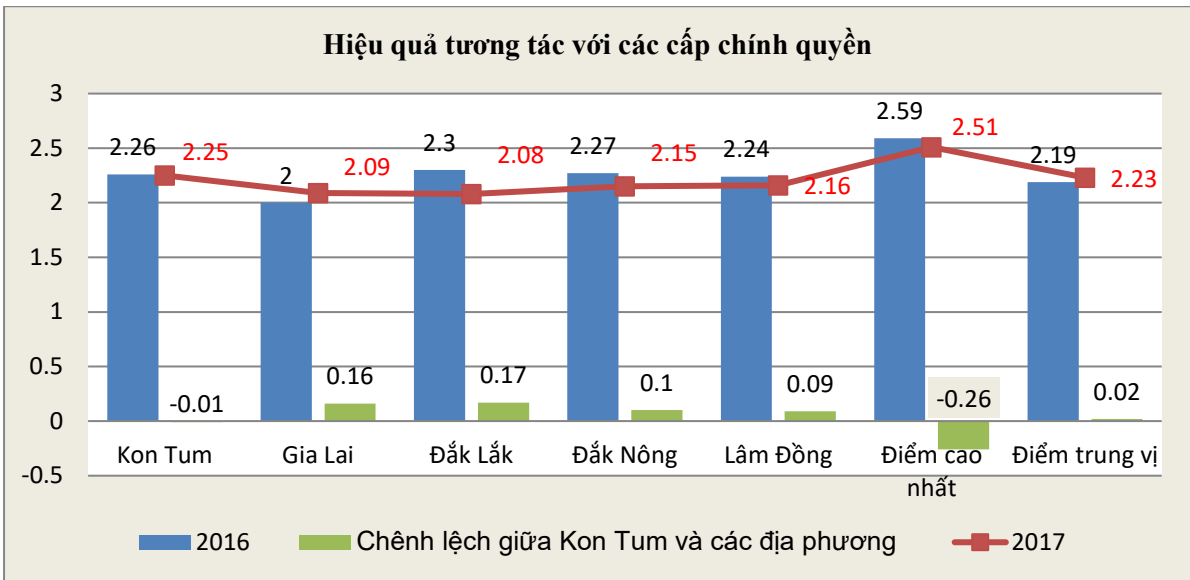
Hình 2. 10: Trách nhiệm giải trình của tỉnh Kon Tum năm 2016-2017



- Chỉ tiêu hiệu quả tương tác với cấp chính quyền

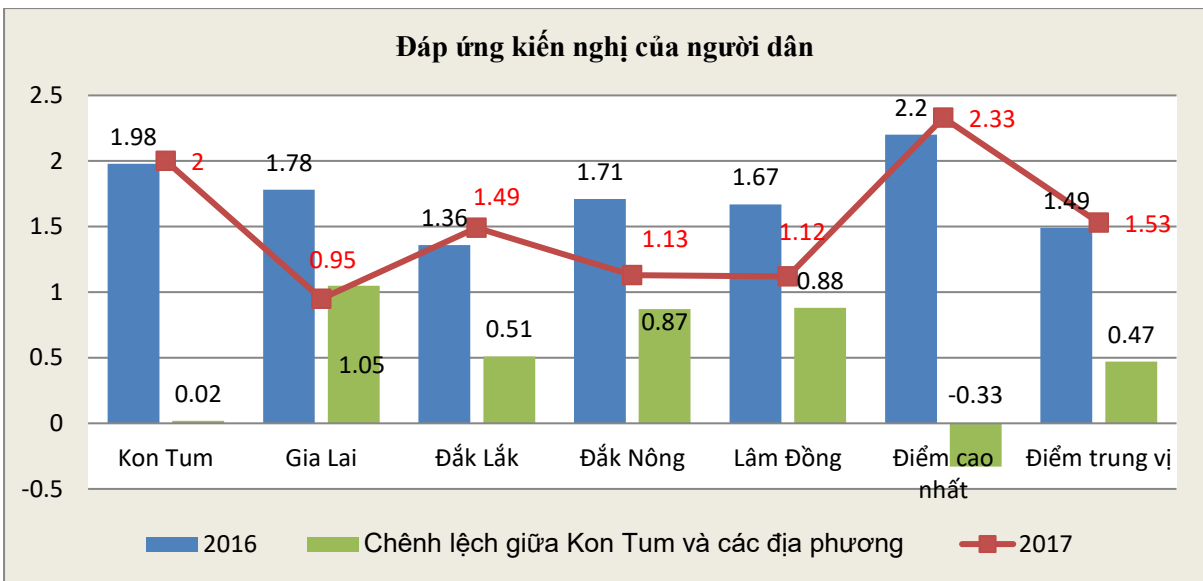
Với tiêu chí đo lường hiệu quả tương tác với các cấp chính quyền, chỉ rõ mối quan hệ tương tác giữa người dân và cán bộ chính quyền cơ sở, mỗi khi người dân bức xúc hoặc thắc mắc về một vấn đề nào đó, họ có thể gặp, tiếp xúc với các cán bộ yêu cầu trả lời hoặc giải quyết công việc.

Nhìn chung, tiêu chí này tỉnh Kon Tum đạt ở mức trung bình khá, cao hơn điểm trung vị là 0,02; nhưng năm 2017 thấp hơn so với năm 2016 là 0,01 điểm.



- Chỉ tiêu đáp ứng kiến nghị của người dân

Hình 2. 11: Đáp ứng kiến nghị của người dân tỉnh Kon Tum năm 2016-2017

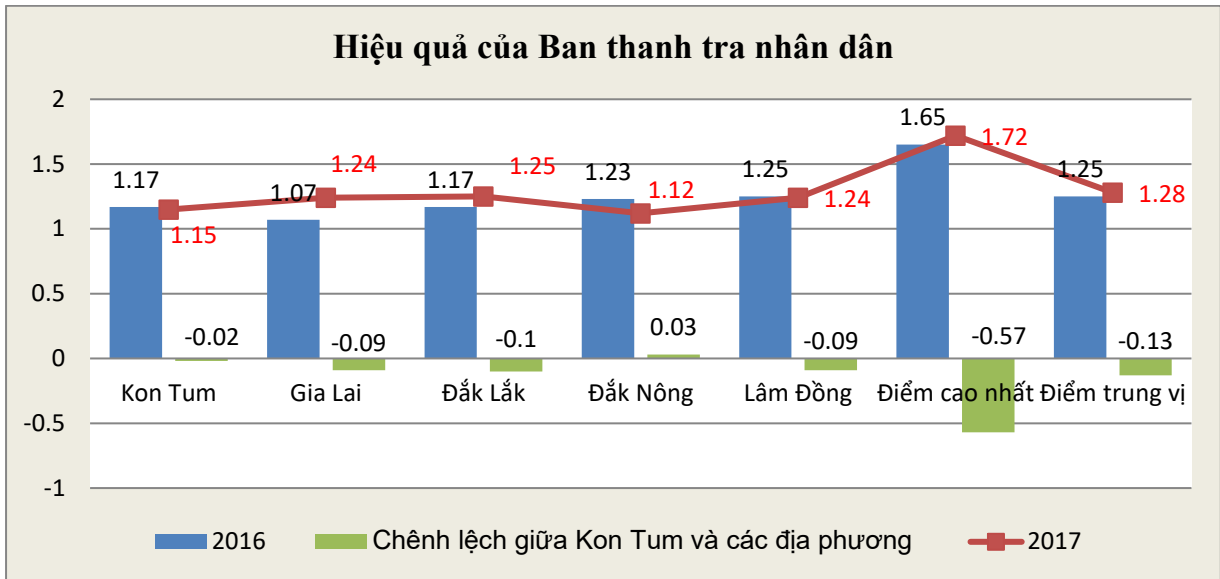


Năm 2017, Kon Tum có đạt 2 điểm cao hơn so với năm 2016 là 0,02 điểm. Bên cạnh đó, năm 2017, chỉ tiêu này Kon Tum cao hơn các địa phương trong khu vực, cao hơn điểm trung vị là 0,47 điểm.

- Chỉ tiêu hiệu quả của Ban thanh tra nhân dân

So với các chỉ tiêu khác đều đạt giá trị cao trong trách nhiệm giải trình với người dân thì chỉ tiêu hiệu quả ban thanh tra nhân dân có xu hướng giảm. Năm 2017, sụt giảm 0,02 điểm so với năm 2016, chỉ cao hơn Đắk Nông 0,03 điểm, còn lại thấp hơn so với 3 tỉnh, thấp hơn điểm trung vị là 0,13 điểm. Đây là điểm cần lưu ý đối với địa phương năm những năm tới.

Hình 2. 12: Hiệu quả ban thanh tra nhân dân tỉnh Kon Tum năm 2016-2017



2.2.4. Chỉ tiêu 4: Về kiểm soát tham nhũng trong khu vực công

Chỉ số “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công” đo lường cảm nhận và trải nghiệm của người dân về hiệu quả của cấp chính quyền về phòng chống tham nhũng, được đo lường trên các tiêu chí kiểm soát tham nhũng trong chính quyền, trong dịch vụ công, công bằng trong tuyển dụng, quyết tâm chống tham nhũng của chính quyền. Đây là chỉ tiêu tỉnh Kon Tum xếp vào nhóm đạt điểm thấp nhất.

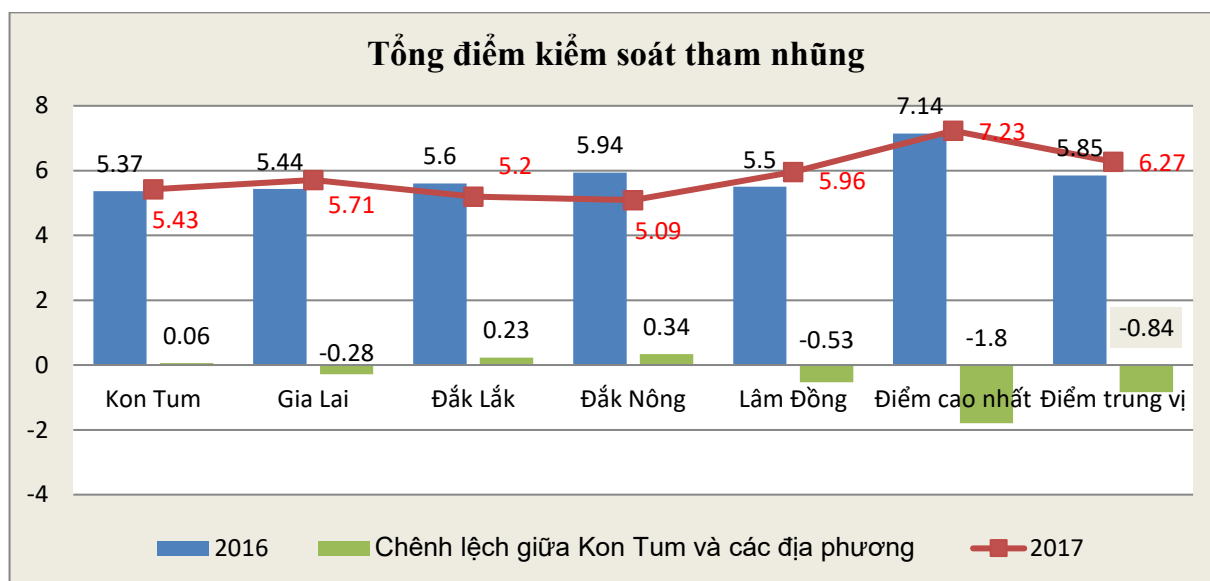
Bảng 2. 7. Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công

Chỉ tiêu	Tổng điểm		Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền		Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công		Công bằng trong tuyển dụng vào nhà nước		Quyết tâm chống tham nhũng	
	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017
Kon Tum	5,37	5,43	1,22	1,39	1,69	1,63	0,76	0,83	1,70	1,58
Gia Lai	5,44	5,71	1,25	1,49	1,81	1,82	0,76	0,86	1,62	1,54
Đắk Lắk	5,60	5,20	1,46	1,31	1,70	1,53	0,78	0,74	1,66	1,62
Đắk Nông	5,94	5,09	1,58	1,24	1,77	1,59	0,90	0,63	1,68	1,63
Lâm Đồng	5,50	5,96	1,28	1,51	1,66	1,80	0,92	0,96	1,64	1,70
Điểm cao nhất	7,14	7,23	1,97	2,03	2,09	2,19	1,45	1,42	1,92	1,96

Điểm trung vị	5,85	6,27	1,48	1,65	1,81	1,92	0,91	1,03	1,67	1,67
---------------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------

Nguồn: Tổng hợp dữ liệu Papi

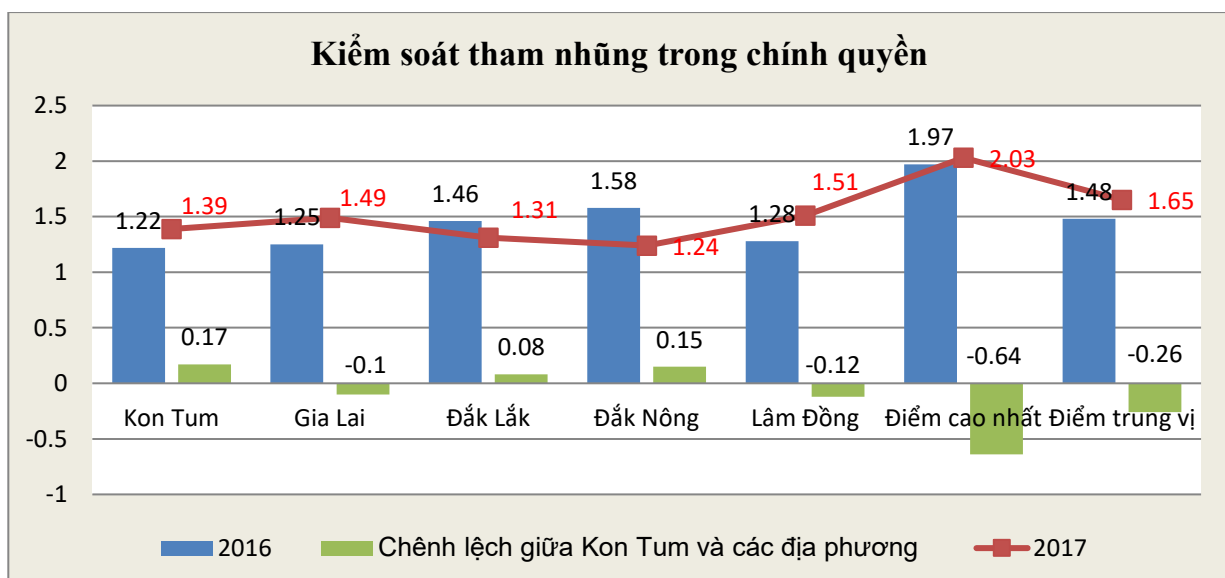
Hình 2. 13: Tổng điểm kiểm soát tham nhũng tỉnh Kon Tum qua 2 năm 2016-2017



Năm 2017, chỉ số này tại Kon Tum được cải thiện hơn so với năm 2016, tăng 0,06 điểm. Tuy vậy, so với các địa phương khác và điểm trung vị còn khoảng cách khá xa 0,84 điểm. Điều này cho thấy cần có sự nỗ lực hơn của chính quyền địa phương.

- **Chỉ tiêu: Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền**

Hình 2. 14: Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền tỉnh Kon Tum năm 2016-2017



Về kiểm soát tham nhũng trong chính quyền “đo lường mức độ hiệu quả trong kiểm soát một số hành vi tham nhũng, những nhiệm vụ của cán bộ chính quyền các cấp trong thực

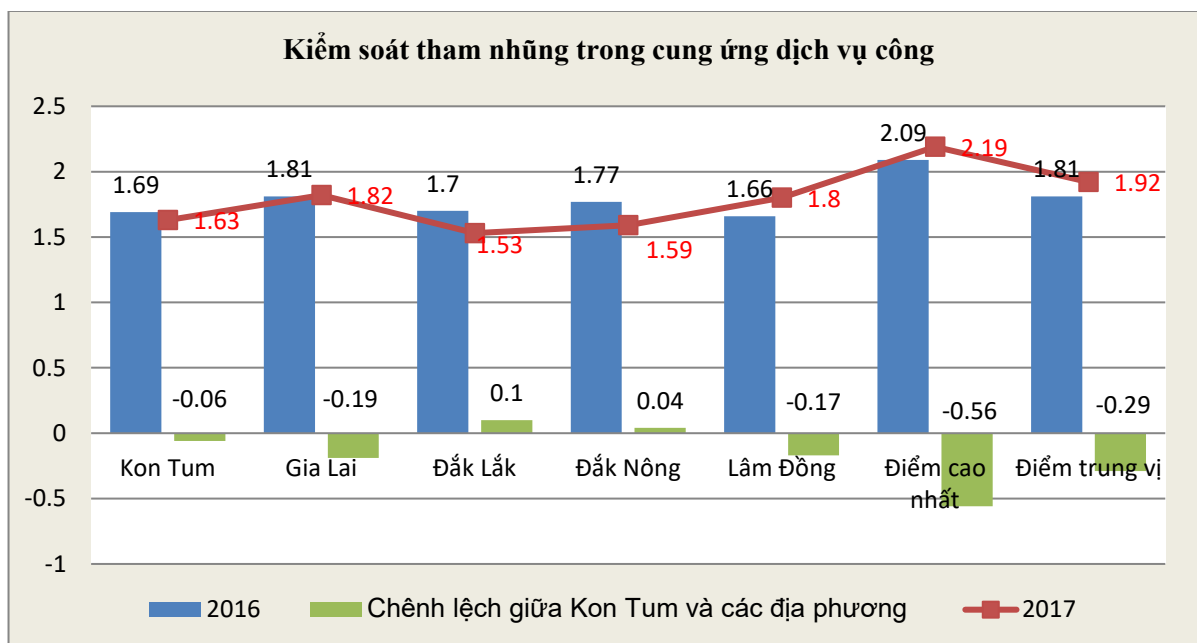
thi nhiệm vụ quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ công”. Năm 2017, chỉ tiêu này của tỉnh tăng 0,17 điểm so với năm 2016, cao hơn Đắk Lắk, Đắk Nông lần lượt là 0,08 và 0,15 điểm; thấp hơn Gia Lai, Lâm Đồng, trung vị lần lượt là 0,1; 0,12 và 0,26 điểm. Chỉ tiêu này Kon Tum được xếp vào nhóm thấp.

- Chỉ tiêu kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công

Về kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công đo lường cảm nhận người dân về việc sử dụng dịch vụ y tế và giáo dục công.

Năm 2017 sụt giảm hơn so với năm 2016 là 0,06 điểm, thấp hơn Gia Lai, Lâm Đồng và thấp hơn điểm trung vị lần lượt là 0,19 điểm; 0,17 điểm và 0,29 điểm. Điều này cho thấy việc kiểm soát tham nhũng trong cung cấp dịch vụ y tế và giáo dục công còn đang gặp nhiều bất cập.

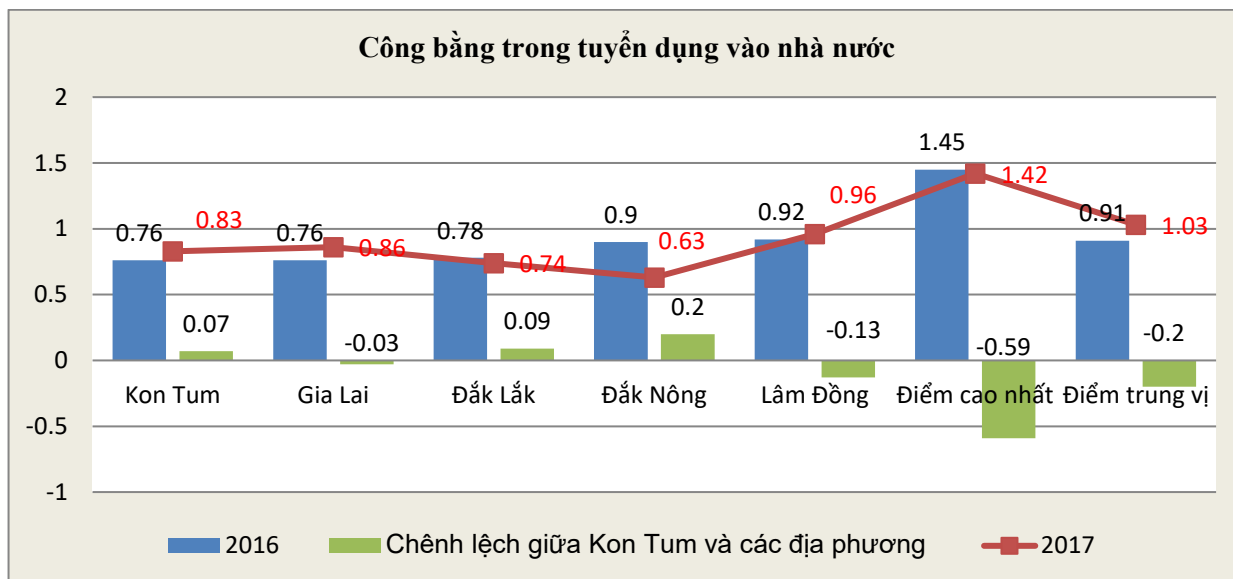
Hình 2. 15: Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công



- Chỉ tiêu công bằng trong tuyển dụng vào nhà nước

Xem xét trực nội dung “*công bằng trong tuyển dụng nhân lực vào khu vực nhà nước*” thể hiện trên hai tiêu chí không cần phải lót tay khi xin việc vào cơ quan nhà nước và xin vào một số vị trí trong cơ quan nhà nước thì cần có người thân quen trong chính quyền là quan trọng.

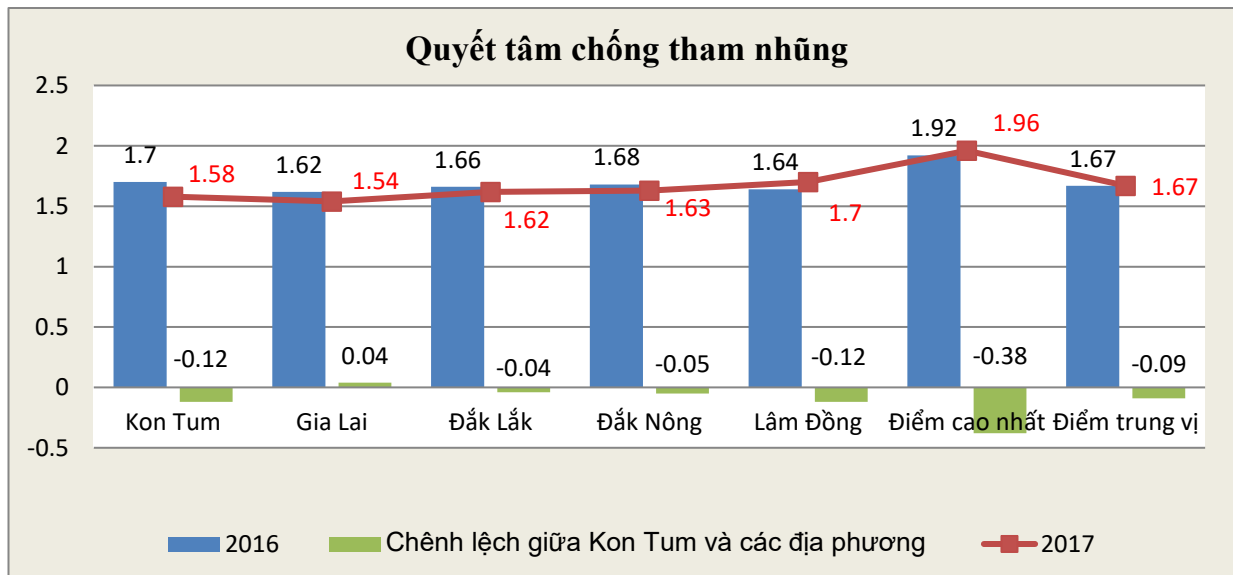
Hình 2. 16: Công bằng trong tuyển dụng vào nhà nước



Năm 2017, Kon Tum được đánh giá có sự cải thiện hơn so với năm 2016 là 0,07 điểm, cao hơn Đắk Lắk và Đắk Nông. Tuy vậy, so với giá trị trung vị thì Kon Tum vẫn ở mức thấp hơn 0,2 điểm.

- Chỉ tiêu quyết tâm chống tham nhũng

Hình 2. 17: Quyết tâm chống tham nhũng



Năm 2017, Kon Tum đạt thấp hơn so với năm 2016 về quyết tâm phòng chống tham nhũng theo đánh giá của người dân là 0,12 điểm, thấp hơn giá trị trung vị là 0,09 điểm. Điều này cho thấy công tác phòng chống tham nhũng tại địa phương đang là vấn đề thách thức lớn trong chính quyền.

2.2.5. Chỉ tiêu 5: Về thủ tục hành chính công

Thủ tục hành chính công với 4 nội dung thành phần, chứng nhận/xác nhận, giấy phép xây dựng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thủ tục hành chính cấp xã/phường.

Bảng 2. 8. Đánh giá về thủ tục hành chính công

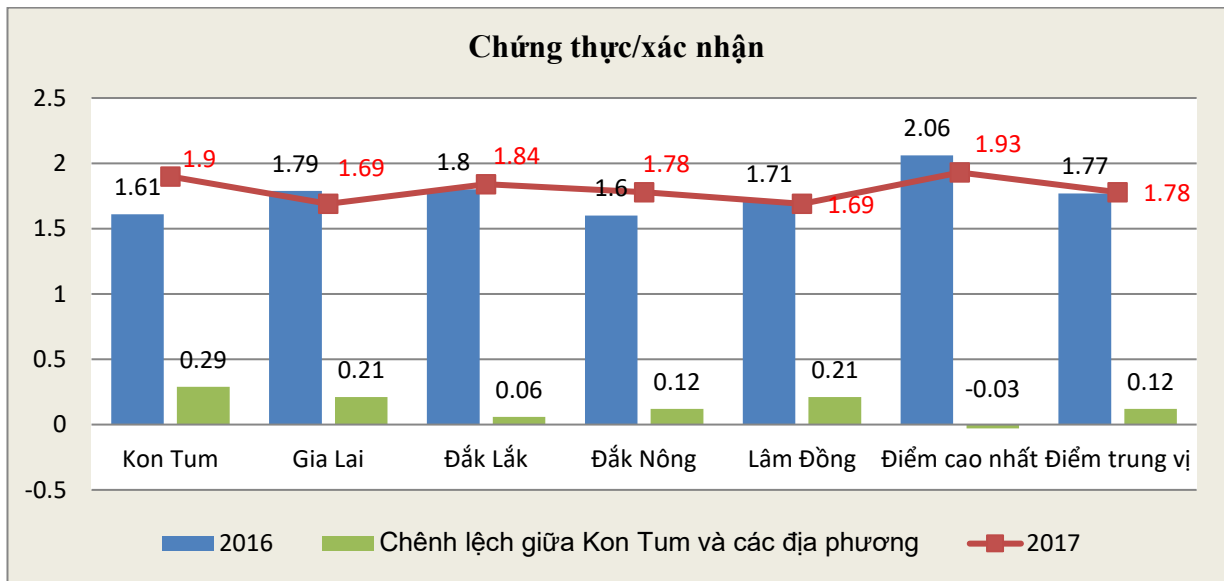
Chỉ tiêu	Tổng điểm		Chứng thực/xác nhận		Giấy phép xây dựng		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất		Thủ tục hành chính cấp xã/phường	
	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017
Kon Tum	6,80	7,11	1,61	1,90	1,77	1,80	1,60	1,56	1,83	1,85
Gia Lai	6,96	6,99	1,79	1,69	1,75	1,87	1,65	1,66	1,77	1,78
Đắk Lắk	7,17	7,24	1,80	1,84	1,78	1,91	1,68	1,67	1,90	1,82
Đắk Nông	6,78	7,18	1,60	1,78	1,91	1,78	1,49	1,68	1,79	1,94
Lâm Đồng	6,80	6,81	1,71	1,69	1,84	1,73	1,47	1,55	1,77	1,85
Điểm cao nhất	7,47	7,69	2,06	1,93	1,98	2,03	1,89	1,91	2,09	2,10
Điểm trung vị	7,09	7,14	1,77	1,78	1,83	1,83	1,65	1,65	1,89	1,88

Nguồn: Tổng hợp dữ liệu Papi

Năm 2017, tỉnh Kon Tum đạt điểm cao hơn so với năm 2016 là 0,31 điểm, xếp thứ 3 trong khu vực, có giá trị thấp hơn điểm trung vị là 0,03 điểm. Đây là nhóm được xếp vào nhóm trung bình thấp.

- Chỉ tiêu chứng thực/ xác nhận

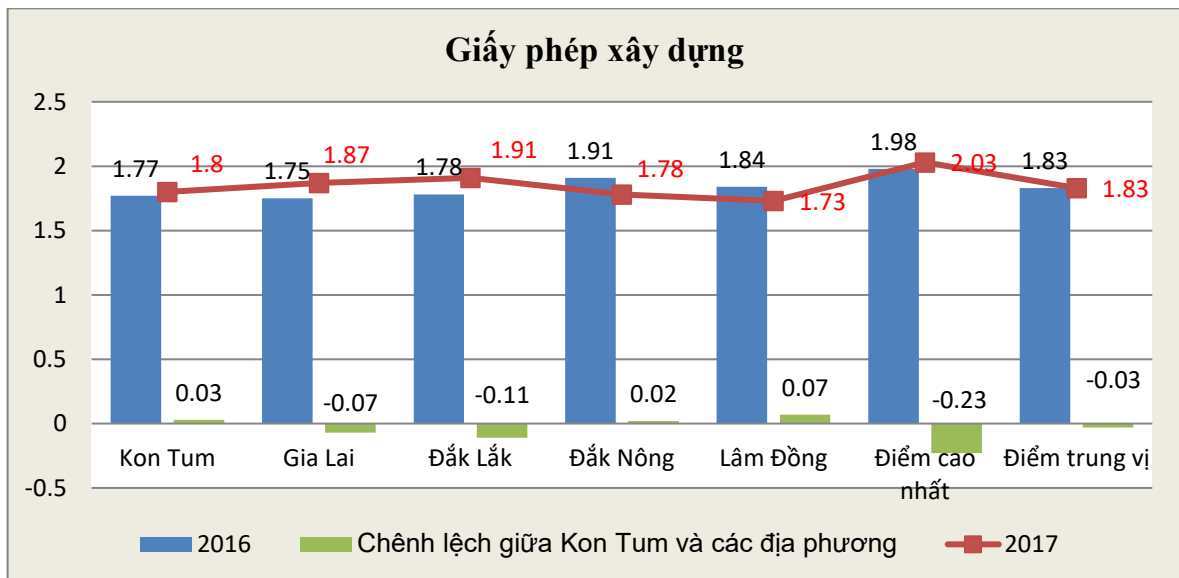
Hình 2. 18: Chỉ tiêu chứng thực, xác nhận



Công tác chứng thực/ xác nhận được đánh giá khá tốt vào năm 2017. Năm 2017 tỉnh đạt 1,9 điểm cao hơn năm 2016 là 0,29 điểm, cao hơn tất cả các địa phương khác trong khu vực và cao hơn điểm trung vị 0,12 điểm. Điều này cho thấy công tác này đang dần có hiệu quả.

- Chỉ tiêu Cấp giấy phép xây dựng

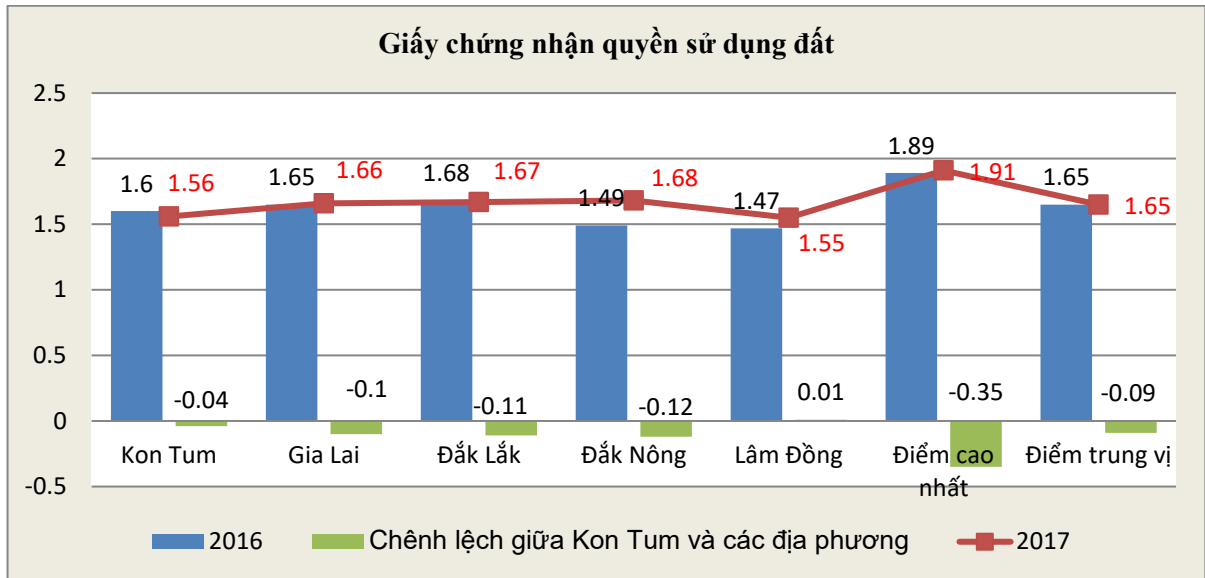
Hình 2. 19: Chỉ tiêu cấp giấy phép xây dựng



Năm 2017, chỉ tiêu cấp giấy phép xây dựng tỉnh Kon Tum đạt 1,8 điểm, cao hơn năm 2016, tuy nhiên thấp hơn điểm trung vị 0,03 điểm. Thấp hơn so với các địa phương khác như Đắk Nông, Lâm Đồng. Điều này cho thấy vẫn còn rào cản trong hạng mục này.

- Chỉ tiêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

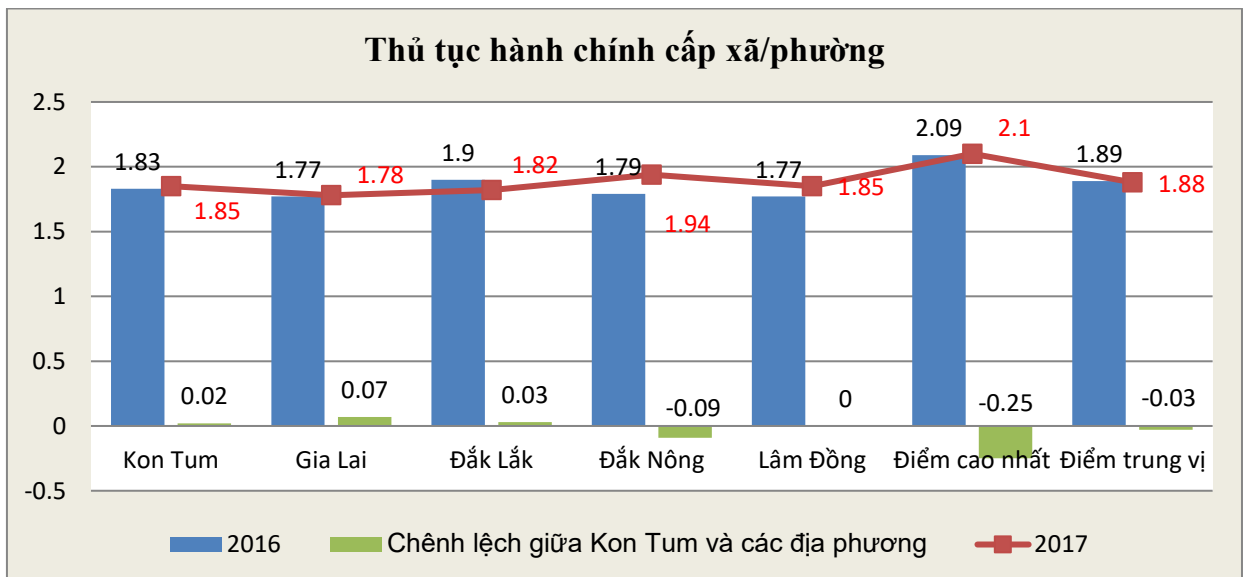
Hình 2. 20: Chỉ tiêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất



Năm 2017 sụt giảm 0,04 điểm so với năm 2016, thấp hơn so trung vị là 0,09 điểm. Kon Tum chỉ cao hơn tỉnh Lâm Đồng 0,01 điểm. Hầu hết thấp hơn các địa phương còn lại trong khu vực. Điều này cho thấy đang còn vướng mắc trong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân.

- Chỉ tiêu thủ tục hành chính cấp xã/ phường

Hình 2. 21: Thủ tục hành chính cấp xã/ phường



Thủ tục hành chính cấp xã/ phường có cải thiện giữa năm 2017 so với năm 2016, nhưng vẫn ở mức thấp, thấp hơn so với giá trị trung vị là 0,03 điểm. Tuy nhiên Kon Tum

đạt điểm cao hơn Gia Lai và Đắk Lắk lần lượt là 0,07 và 0,03 điểm. Đây là nỗ lực của chính quyền trong thời gian qua nhưng vẫn cần quan tâm hơn.

2.2.6. Chỉ tiêu 6: Về cung ứng dịch vụ công

Tập trung đo lường mức độ hiệu quả cung ứng bốn dịch vụ công căn bản cho người dân, gồm y tế công lập, giáo dục tiểu học công lập, cơ sở hạ tầng căn bản, và an ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư.

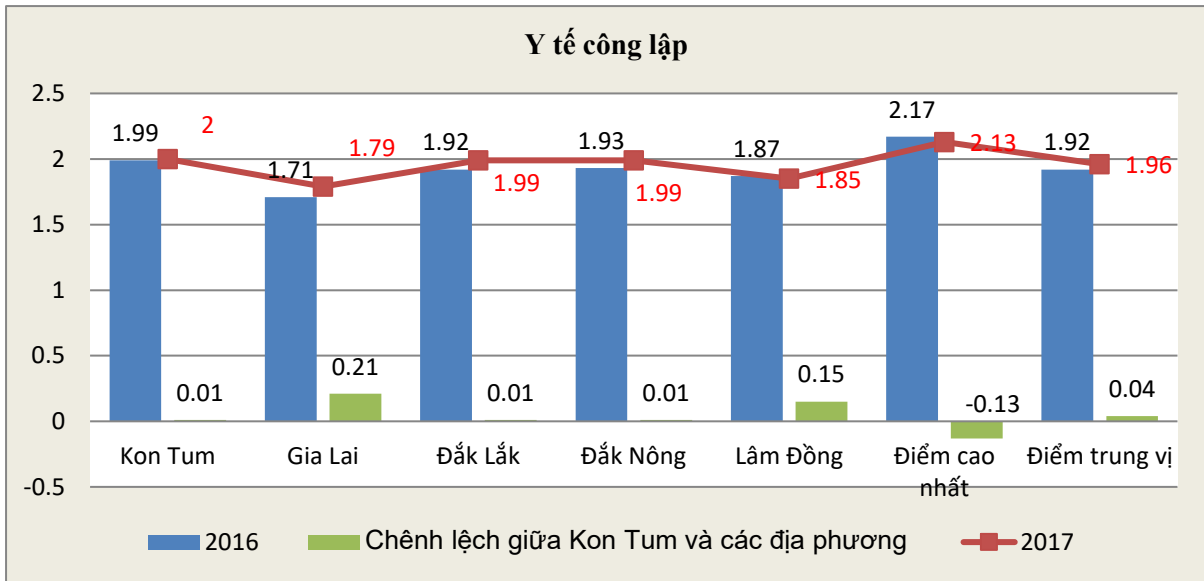
Bảng 2. 9: Cung ứng dịch vụ công tỉnh Kon Tum năm 2016-2017

Chỉ tiêu	Tổng điểm		Y tế công lập		Giáo dục tiểu học công lập		Cơ sở hạ tầng căn bản		An ninh, trật tự địa bàn khu dân cư	
	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017
Kon Tum	6,88	6,90	1,99	2,00	1,65	1,62	1,74	1,78	1,50	1,50
Gia Lai	6,65	6,80	1,71	1,79	1,64	1,69	1,67	1,69	1,64	1,63
Đắk Lắk	6,78	7,00	1,92	1,99	1,59	1,63	1,69	1,74	1,58	1,65
Đắk Nông	6,93	7,05	1,93	1,99	1,59	1,60	1,83	1,79	1,58	1,67
Lâm Đồng	7,02	7,01	1,87	1,85	1,65	1,66	1,83	1,85	1,66	1,64
Điểm cao nhất	8,03	7,83	2,17	2,13	2,05	2,06	2,43	2,40	1,79	1,77
Điểm trung vị	6,98	7,06	1,92	1,96	1,67	1,66	1,74	1,82	1,65	1,66

Năm 2017, Kon Tum được xếp vào nhóm đạt điểm trung bình thấp, có giá trị cao hơn so với năm 2016. Ngoài ra, Kon Tum là địa phương có sự cung ứng dịch vụ công thấp nhất trong toàn khu vực, thấp hơn điểm trung vị 0,16 điểm. Trong khi đó đây là một trong những tiêu chí để người dân hoặc các nhà đầu tư lựa chọn để sinh sống. Do vậy, chính quyền cần nỗ lực để nâng cao chỉ số này.

- Chỉ tiêu y tế công lập

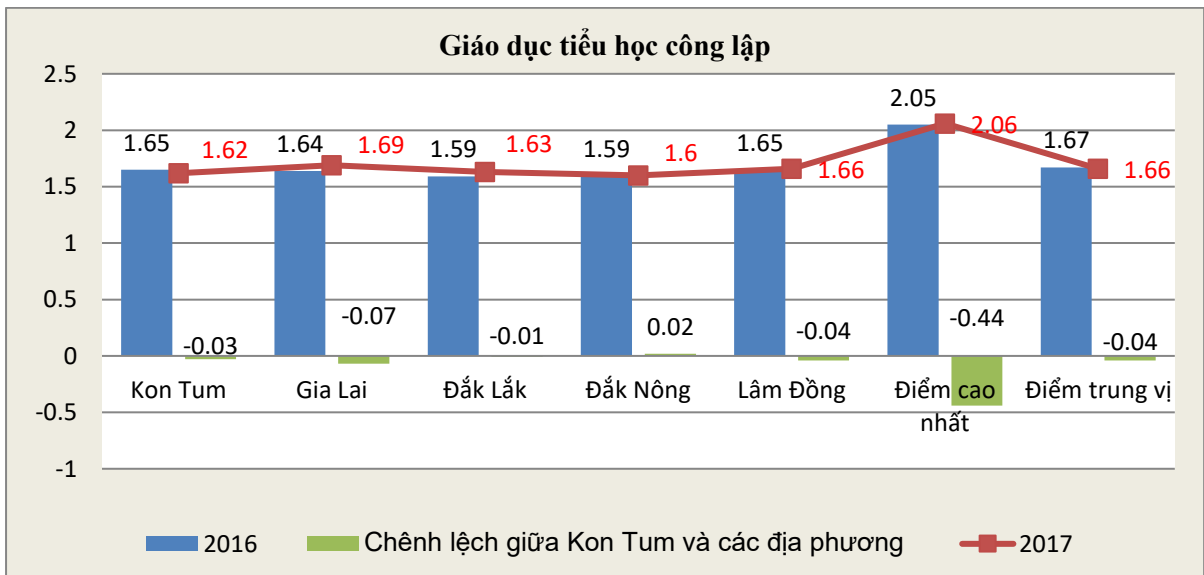
Hình 2. 22: Y tế công lập



Năm 2017, y tế công của tỉnh được đánh giá cao hơn so với năm 2016, cao hơn điểm trung vị là 0,04 điểm, cao hơn so với các địa phương khác trong khu vực trong việc cung cấp dịch vụ y tế.

- Chỉ tiêu giáo dục tiểu học công lập

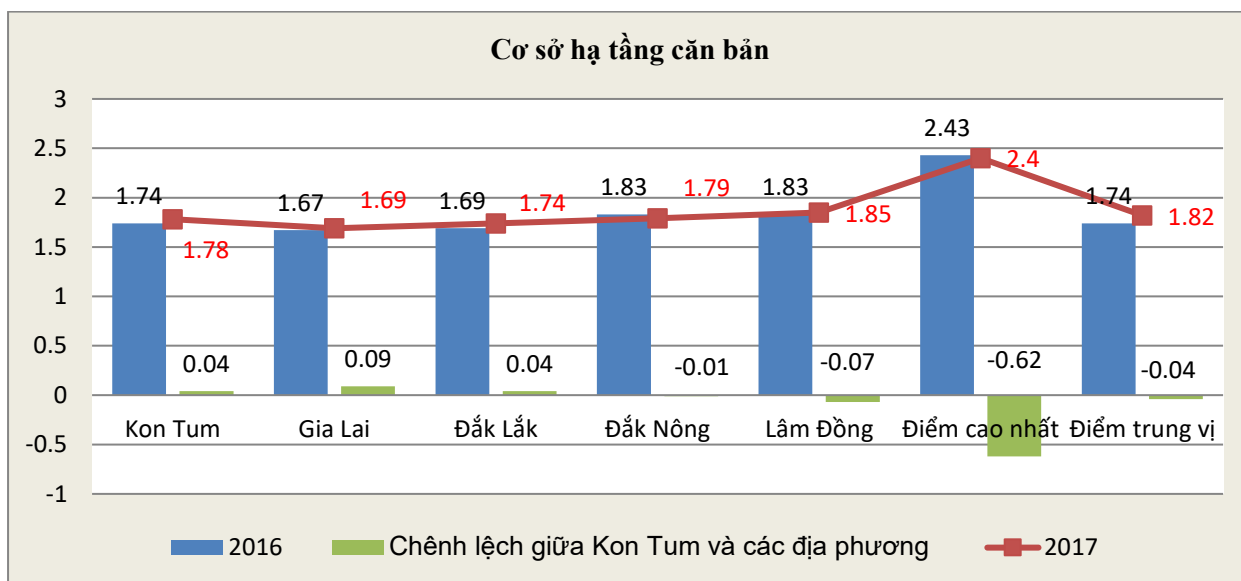
Hình 2. 23: Giáo dục tiểu học công lập



Năm 2017, giáo dục tiểu học công lập đánh giá thấp hơn so với năm 2016 là 0,03 điểm, thấp hơn so với trung vị là 0,04 điểm. So với các địa phương trong khu vực kon Tum được đánh giá là thấp chỉ cao hơn Đắk Nông 0,02 điểm. Đây là điều cần xem lại của địa phương.

- **Chỉ số cơ sở hạ tầng căn bản**

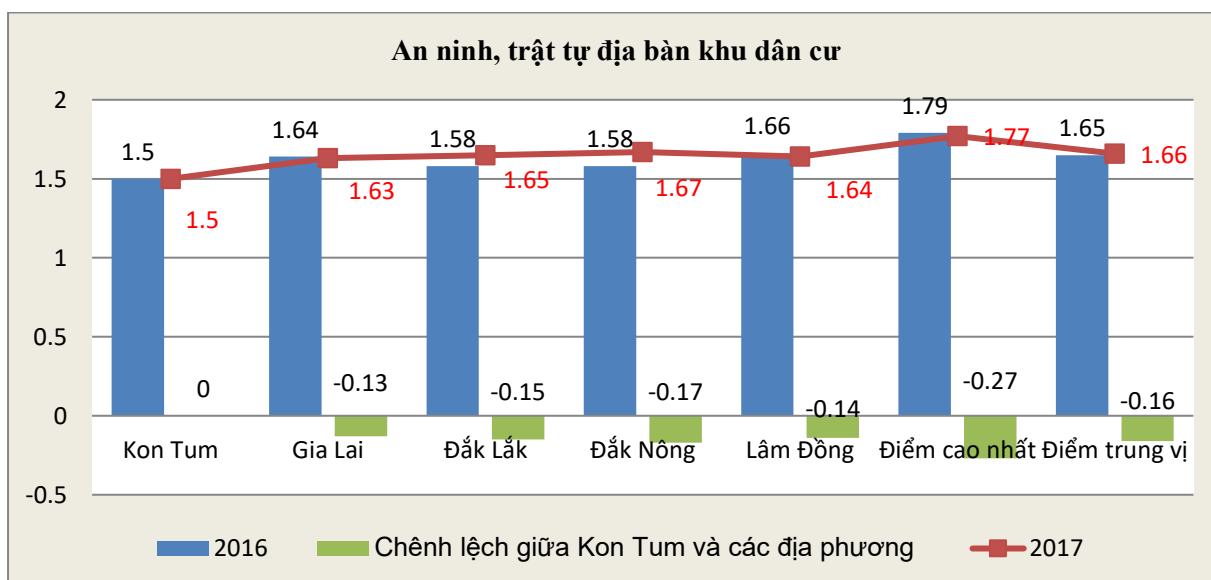
Hình 2. 24: Chỉ số cơ sở hạ tầng căn bản



Hạ tầng căn bản của Kon Tum được cải thiện hơn so với năm 2016 và được người dân đánh giá cao hơn so với các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, nhưng so với giá trị trung vị thì thấp hơn 0,04 điểm.

- **Chỉ tiêu an ninh, trật tự địa bàn khu dân cư**

Hình 2. 25: An ninh, trật tự địa bàn khu dân cư



Chỉ tiêu này tỉnh Kon Tum không thay đổi giữa hai năm 2016 và 2017. Tuy nhiên, so với các địa phương trong khu vực, Kon Tum là tỉnh có tỷ lệ an ninh và trật tự kém nhất, thấp hơn Gia Lai 0,13 điểm, Đắk Lắk 0,15 điểm, trung vị là 0,16 điểm (Hình 2.25).

PHẦN 3: KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2016-2017 CỦA UBND TỈNH KON TUM

Chỉ số cải cách hành chính Par index năm 2017 có nhiều điểm khác biệt hơn với năm 2016. Các tiêu chí được thay đổi sao cho phù hợp hơn với bối cảnh hiện tại. Do vậy, việc so sánh giữa 2 năm 2016 và năm 2017 để đánh giá sự thay đổi trong cải cách hành chính của tỉnh Kon Tum chỉ dừng lại ở việc so sánh các chỉ số tổng hợp, chứ không so sánh trên các chỉ tiêu thành phần.

3.1. Chỉ số tổng hợp

Theo kết quả đánh giá tổng hợp chỉ số CCHC năm 2017, giá trị trung bình của các tỉnh đạt 77,72%. Như vậy, Kon Tum trong năm 2017 có giá trị thấp hơn so giá trị trung bình là 6,36%, xếp hạng mức 58, thấp nhất trong toàn khu vực. CCHC cao nhất trong năm qua là tỉnh Đắk Lắk ở vị trí 43/63. Bên cạnh đó, chỉ số Sipas cho thấy sự hài lòng của người dân với CCHC của Kon Tum thấp nhất so với các địa phương khác.

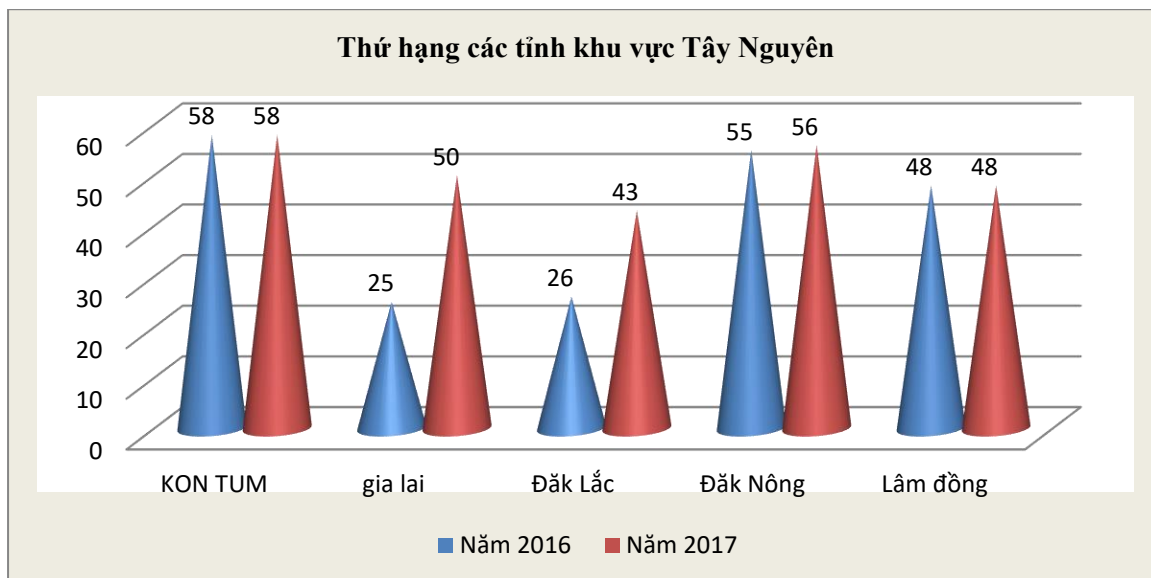
Bảng 3. 1: Chỉ số tổng hợp Par index năm 2017

	Tổng điểm	Điểm thấp định	Chỉ số Sipas	Khảo sát cán bộ quản lý	Tác động kt-xh	Thứ hạng
Kon Tum	71,48	43,25	10,16	16,08	2	58
Gia Lai	73,68	44,11	11,14	15,42	3	50
Đắk Lắk	75,37	46,59	10,96	14,82	3	43
Đắk Nông	72,81	44,33	11,72	13,75	3	56
Lâm Đồng	73,99	43,63	10,92	16,44	3	48
Địa phương tốt nhất	89,45	56,5	12	17,45	3,5	1

Nhìn vào hình 3.1, thứ hạng của tỉnh Kon Tum trong năm 2016 và năm 2017 không thay đổi xếp ở vị trí 58/63. Tuy nhiên, không thể nhận định là sự CCHC của tỉnh không hiệu quả bởi các chỉ tiêu đo lường năm 2017 có nhiều điểm mới khác so với năm 2016. Và theo tiêu chí đánh giá mới thì chỉ số CCHC của tỉnh đạt 71,48% so với năm 2016 là 66,24%.

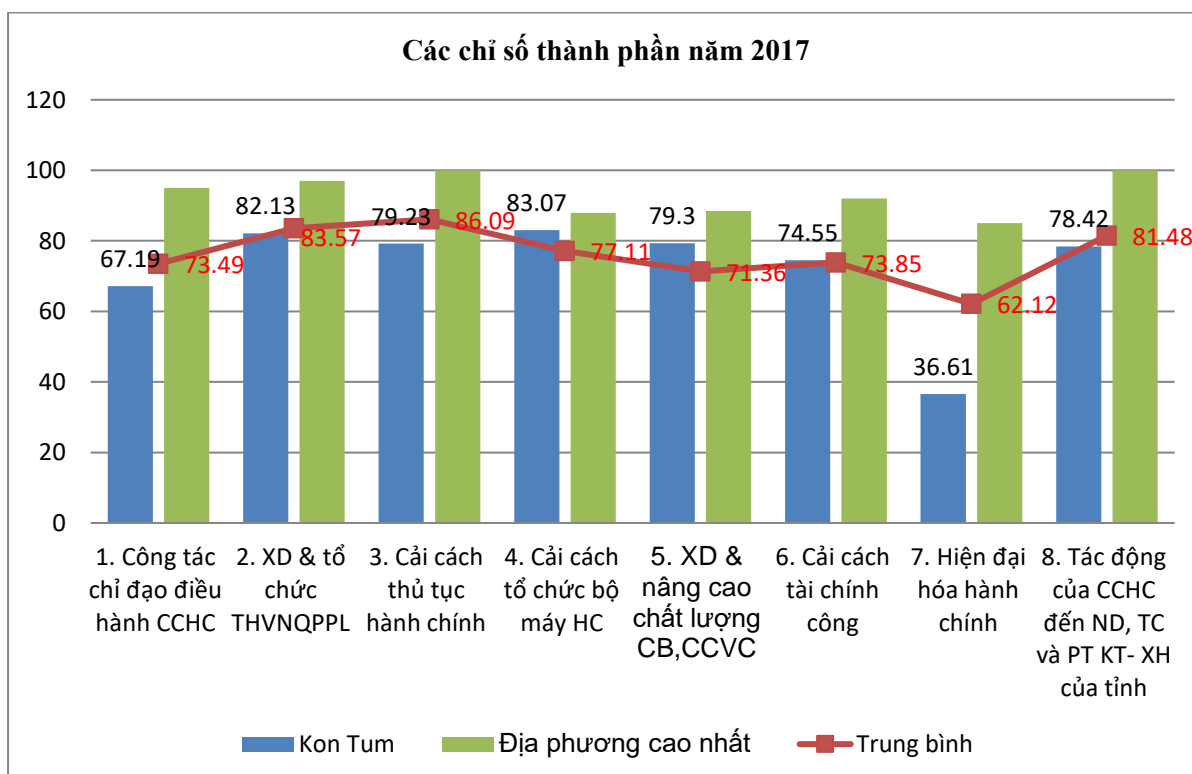
Khi có sự thay đổi trong cách đánh giá, sự sụt giảm của Gia Lai và Đắk Lắk thấy rõ rệt từ vị trí 25 xuống 50 đối với Gia Lai và từ 26 xuống 43 đối với Đắk Lắk. Mặc dù sụt giảm nhưng các địa phương vẫn ở thứ hạng cao hơn so với tỉnh Kon Tum.

Hình 3. 1: Thứ hạng tỉnh Kon Tum qua 2 năm 2016-2017 với các địa phương



Để có bức tranh tổng thể rõ nét hơn, có thể nhìn thấy tổng điểm các chỉ số thành phần của tỉnh Kon Tum so với giá trị trung bình của các địa phương tại hình 3.2.

Hình 3. 2: Tổng hợp các chỉ số thành phần tỉnh Kon Tum năm 2017



Trong năm 2017, hầu hết các chỉ tiêu thành phần, tỉnh Kon Tum đều có giá trị thấp hơn so với giá trị trung bình của cả nước trong đó có “hiện đại hóa hành chính” xếp thứ

63/63 thấp nhất cả nước đạt 36,61 điểm. Tuy nhiên, các chỉ tiêu như *cải cách bộ máy hành chính và xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CB, CNVC* được đánh giá cao hơn so với giá trị trung bình của các tỉnh.

Bảng 3. 2: So sánh các chỉ tiêu thành phần giữa năm 2017 và năm 2016 của tỉnh Kon Tum

Lĩnh vực	Năm 2017 (%)	Năm 2016 (%)	Chênh lệch giữa 2017 và 2016
Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính	67,2	58,82	8,37
Xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL tại tỉnh	82,1	73,33	8,76
Cải cách thủ tục hành chính	79,24	80,55	-1,31
Cải cách tổ chức bộ máy hành chính	83,09	100	-16,90
Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC	79,31	60,52	18,7
Cải cách tài chính công	74,57	62,5	12,07
Hiện đại hóa hành chính	36,62	27,77	8,84
Tác động của cải cách hành chính đến sự hài lòng của người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	78,45	62,73	15,71

Kết quả tại bảng 3.2. cho thấy năm 2017 các chỉ số đều cải thiện hơn so với năm 2016 ngoại trừ các chỉ tiêu như cải cách thủ tục hành chính sụt giảm 1,31%, cải cách tổ chức bộ máy hành chính giảm 16,9%. Tăng cao nhất là hoạt động xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC 18,7%; tiếp đến là tác động của CCHC đến sự hài lòng của người dân, tổ chức và phát triển kinh tế xã hội là 15,71%. Đó là những tín hiệu cho thấy sự hiệu quả trong CCHC của địa phương đã áp dụng trong thời gian vừa qua.

3.2. Chỉ số thành phần kết quả cải cách hành chính năm 2016-2017

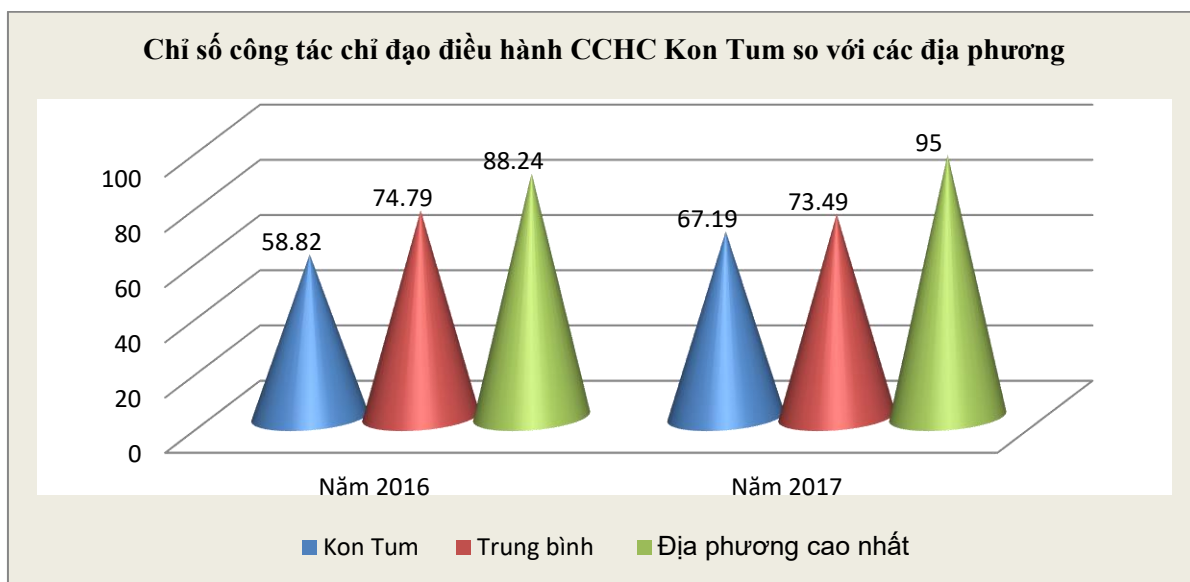
3.2.1. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Công tác chỉ đạo điều hành CCHC của tỉnh dựa trên 6 tiêu chí: 1- kế hoạch CCHC, 2- thực hiện chế độ báo cáo, 3- Kiểm tra CCHC, 4- tuyên truyền CCHC, 5- Sáng kiến, giải

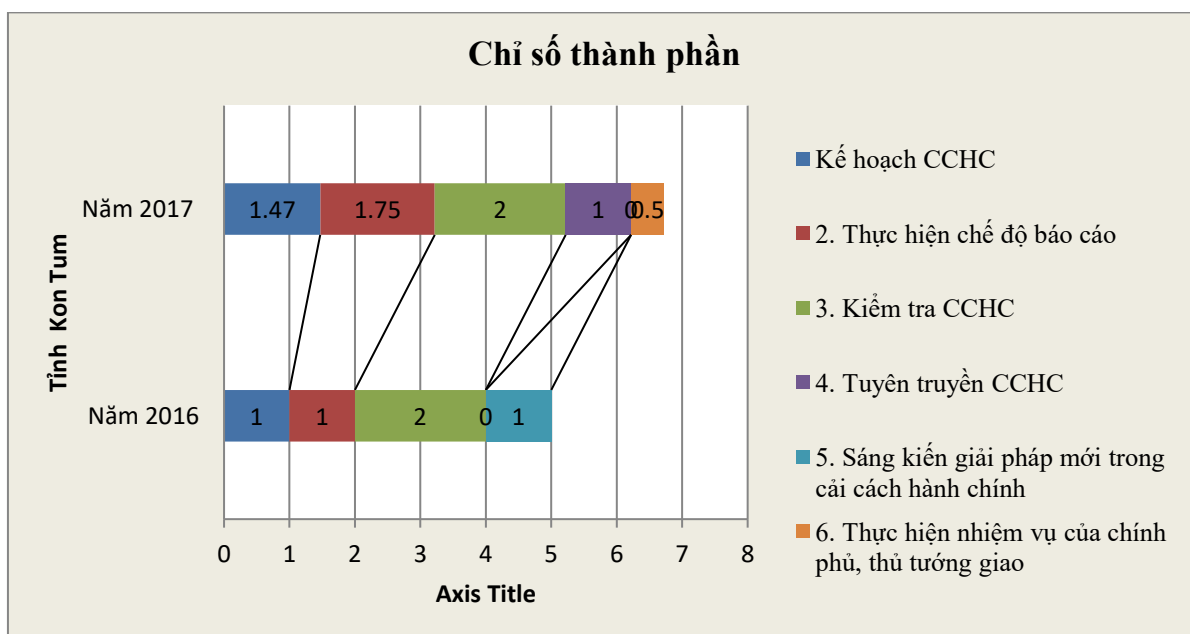
pháp đổi mới tổng CCHC, 6- Thực hiện nhiệm vụ của chính phủ, thủ tướng chính phủ giao.

Tổng điểm của năm 2017 của tỉnh Kon Tum đạt 67,19% so với giá trị trung bình của các tỉnh là 73,49. Với giá trị thấp hơn giá trị trung bình Kon Tum xếp vị trí 49/63.

Hình 3. 3: Chỉ số công tác chỉ đạo điều hành CCHC của Kon Tum so với các địa phương



Hình 3. 4: Chỉ số thành phần công tác chỉ đạo điều hành CCHC tỉnh



So với năm 2016, các chỉ số thành phần năm 2017 tỉnh Kon Tum đều đạt giá trị cao hơn. Với việc ban hành và hoàn thành kế hoạch CCHC năm 2017 cao hơn năm 2016 là 0,47 điểm; thực hiện chế độ báo cáo chênh lệch 0,75 điểm. Công tác tuyên truyền năm 2017 cũng được nhấn mạnh hơn năm 2016. Năm 2017 có bổ sung chỉ tiêu mới (số 6:

thực hiện nhiệm vụ của chính phủ, thủ tướng giao) đạt 0,5 điểm đạt 50% so với tiêu chuẩn của Bộ nội vụ. Ngoài ra, chính quyền thực hiện chế độ báo cáo của tỉnh chỉ mới đạt 58%, và không có sáng kiến giải pháp mới trong CCHC năm 2017 (bảng 3.3.).

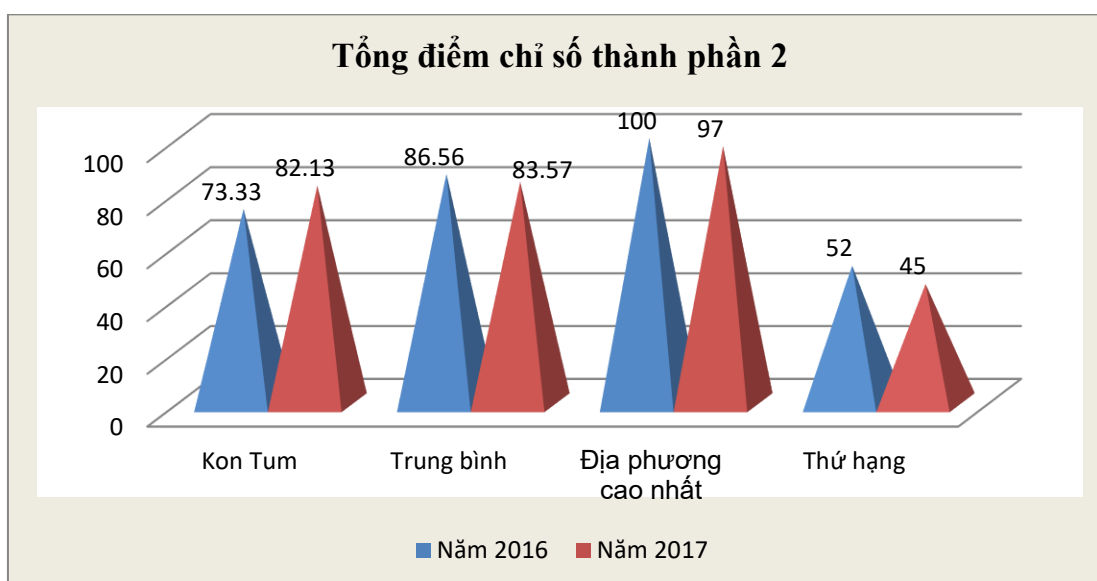
Bảng 3. 3: Mức độ đạt được công tác chỉ đạo điều hành CCHC tỉnh Kon Tum năm 2017

Tiêu chí	Điểm năm 2017	Chỉ số %
1. Kế hoạch CCHC	1,47	98%
2. Thực hiện chế độ báo cáo	1,75	58%
3. Kiểm tra CCHC	2	100%
4. Tuyên truyền CCHC	1	100%
5. Sáng kiến giải pháp mới trong cải cách hành chính	0	0%
6. Thực hiện nhiệm vụ của chính phủ, thủ tướng giao	0,5	50%

3.2.2. Xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL tại tỉnh

Chỉ số xây dựng và tổ chức thực hiện CBQPPL của tỉnh Kon Tum năm 2016 xếp thứ hạng 52/63, năm 2017 xếp hạng 45/63. Tổng điểm tăng từ 73,33% năm 2016 lên 82,13%. Tuy vậy, so với giá trị trung bình của các tỉnh thì Kon Tum vẫn thấp hơn. Tuy nhiên khoảng cách giảm trong năm 2017 còn 1,44% so với 13,23% năm 2016.

Hình 3. 5: Tổng điểm chỉ số xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL tỉnh Kon Tum



Do các chỉ tiêu cụ thể để đo lường chỉ số này có sự thay đổi giữa năm 2016 và năm 2017 cho nên không tiến hành so sánh độ chênh lệch và tính hiệu quả giữa hai năm. Do

vậy, chỉ đánh giá các chỉ tiêu tỉnh Kon Tum so với giá trị trung bình của các tỉnh. Từ đó làm căn cứ cho các đề xuất phía sau. Cụ thể:

Năm 2017, chỉ tiêu thành phần *theo dõi thi hành pháp luật đạt 87,5%* thấp hơn giá trị trung bình các tỉnh 96,63%. Tuy nhiên việc xử lý VBQPPL sau rà soát và xử lý VB trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra chiếm tỷ lệ 100%. Điều này cho thấy công tác xử lý VBPL của địa phương được đánh giá cao.

Đánh giá tác động của Cải cách đến chất lượng VBQPPL do tỉnh ban hành đạt 3,46 điểm chiếm tỷ lệ 69,2% thấp hơn giá trị trung bình của các tỉnh là 2,35%. Thấp hơn bởi 2 chỉ tiêu “*Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh*” và “*Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện CBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh*” có chỉ số % đạt lần lượt là 63,33% và 68%. Hai chỉ tiêu thành phần này thấp hơn so với giá trị trung bình các tỉnh. Đây là điểm cần lưu ý.

Bảng 3. 4: Các chỉ tiêu thành phần của lĩnh vực 2 của tỉnh Kon Tum năm 2017

Tiêu chí	Điểm đạt được	Chỉ số %	Giá trị trung bình
1. Theo dõi thi hành pháp luật	1,75	87,5	96,63
1.1. Thực hiện các hoạt động về TĐTHPL	0,75	75	
1.2. Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1	100	
2.Xử lý VBQPPL sau rà soát	1,5	100	97,86
3. Xử lý VB trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra	1,5	100	91,95
4. Tác động của CC đến chất lượng vbqppl do tỉnh ban hành	3,46	69,2	71,55
4.1. <i>Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh</i>	0,75	75,00	69,19
4.2. <i>Tính hợp lý của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh</i>	0,75	75,00	68,09
4.3. <i>Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh</i>	0,95	63,33	76,35
4.4. <i>Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý</i>	1,02	68,00	75,5

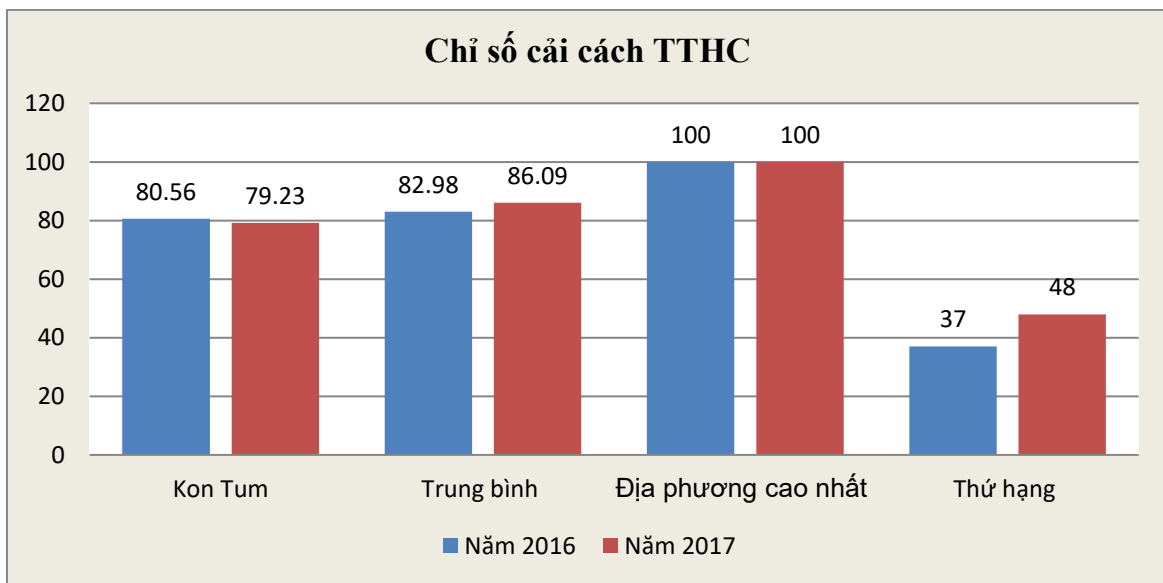
các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện CBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh

2.2.3. Cải cách thủ tục hành chính

Trong năm 2017, Kon Tum đứng thứ hạng 48/63, sụt giảm từ vị trí 37 năm 2016; với chỉ số % đạt 79,23; thấp hơn giá trị trung bình cả nước là 86,09%.

Theo đánh giá chung của Bộ nội vụ, năm 2017 là năm công tác CCHC đạt được nhiều thành công nhất từ trước đến nay. Các địa phương đã tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới cách làm, chỉ đạo phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị nhằm đơn giản hóa quy trình, rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục cho người dân và doanh nghiệp. Điển hình là Hà Tĩnh đã rà soát hơn 1.000 thủ tục hành chính.

Hình 3. 6: Chỉ số cải cách TTHC tỉnh Kon Tum năm 2016-2017



Cụ thể, các tiêu chí này tại Kon Tum như sau:

Bảng 3. 5: Tiêu chí thành phần cải cách TTHC tỉnh Kon Tum năm 2017

Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Năm 2017	Tỷ lệ %
1. Kiểm soát quy định TTHC	1,5	1,5	100,00
1.1. Thực hiện quy định về ban hành TTHC	0,5	0,5	100,00
1.2. Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	1	1	100,00
2. Công bố, công khai TTHC	4	2,5	62,50

2.1. công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trong toàn tỉnh	0,5	0,5	100,00
2.2. Nhập, đăng tải công khai TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia khi công bố	1	1	100,00
2.3. Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện, xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy trình	1	0,5	50,00
2.4. Công khai TTHC trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và trang TTDDT của cơ quan	1,5	0,5	33,33
3. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	4,5	4	88,89
3.1. Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh	0,5	0,5	100,00
3.2. Tỷ lệ ĐVHC cấp huyện có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo cơ chế 1 cửa	1	0,5	50,00
3.3. Tỷ lệ ĐVHC cấp xã có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế 1 cửa	1	1	100,00
3.4 Số TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	1	1	100,00
3.5. Số TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	1	1	100,00
4. Kết quả giải quyết TTHC	3	1,99	66,33
4.1. Tỷ lệ hồ sơ do cấp tỉnh giải quyết đúng hạn	1	0,99	99,00
4.2 Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1	0	0,00
4.3. Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm giải quyết đúng hạn	1	1	100,00
5. Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị	1	1,5	150,00
5.1. Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của các nhân, tổ chức	0,5	0,5	100,00
5.2. Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức	1	1	100,00

Một vài chỉ tiêu của tỉnh không đạt điểm tối đa như việc *tỷ lệ hồ sơ do cấp tỉnh giải quyết đúng hạn, Công khai TTHC trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và trang TTDDT của cơ quan*. Nguyên nhân chủ yếu là do việc rà soát, cập nhật các thủ tục hành chính để

công khai trên mạng điện tử là chưa thường xuyên, chưa đồng bộ, chưa quyết liệt. Tình trạng trễ hẹn trong giải quyết thủ tục hành chính vẫn còn xảy ra, việc xin lỗi người dân khi để xảy ra tình trạng trễ hẹn chưa được thực hiện nghiêm túc.

3.2.4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

Cải cách tổ chức bộ máy hành chính là một trong những vấn đề “nóng” đang được quan tâm hiện nay. Năm 2017, Kon Tum đạt 83,07% cao hơn giá trị trung bình của các tỉnh là 77,11%, xếp thứ hạng 9/63. Điều này ghi nhận sự nỗ lực của chính quyền trong việc rà soát, tổ chức bộ máy cơ quan theo hướng tinh gọn.

Tuy nhiên, năm 2017 cũng nhìn nhận một số tình trạng như tồn tại tình trạng phòng chuyên môn thuộc sở có số lượng lãnh đạo nhiều hơn hoặc bằng số lượng công chức chuyên môn; tình trạng thừa cấp phó tại các cơ quan còn công kênh, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ.

Tại Kon Tum, điều này không phải ngoại lệ. “*Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính*” chưa đạt kết quả tối đa, chỉ đạt 66,7% cho thấy bộ máy vẫn chưa được tinh gọn.

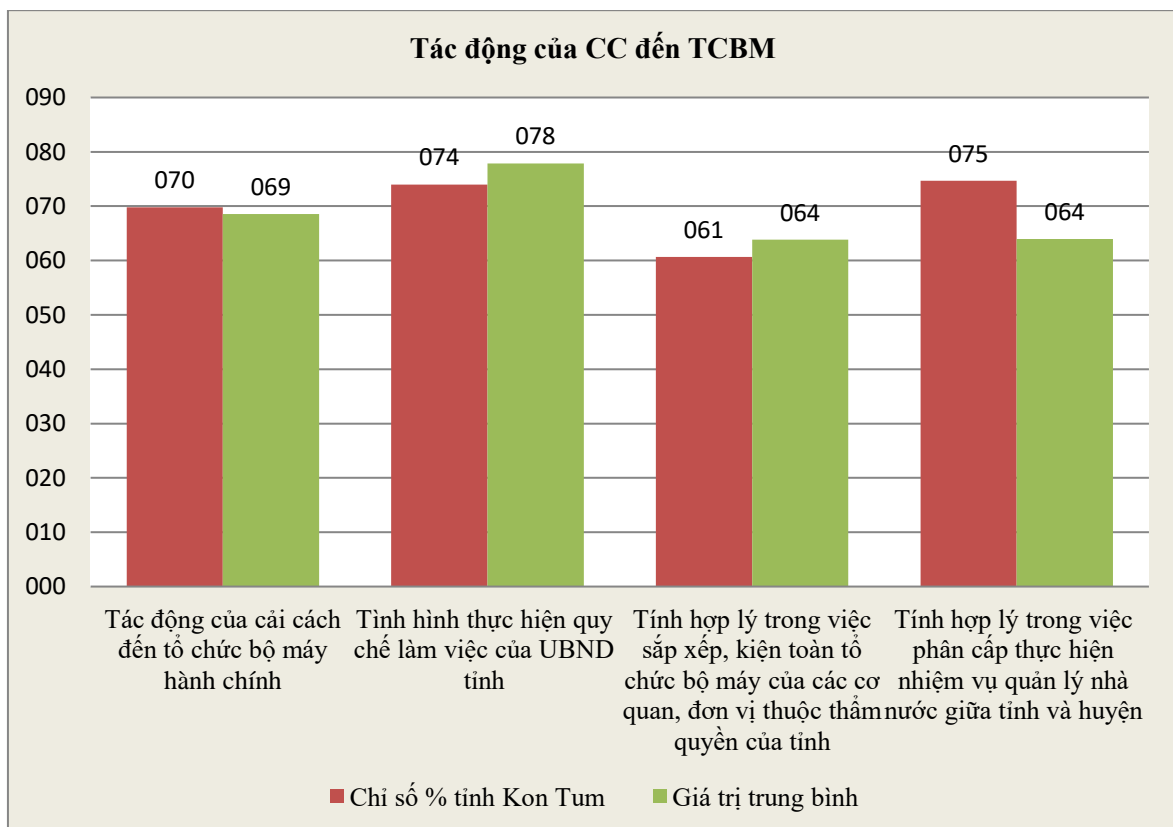
Bảng 3. 6: Chỉ tiêu thành phần chỉ số cải cách tổ chức bộ máy năm 2017

Chỉ tiêu thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Chỉ số %
1. Thực hiện quy định của chính phủ và hướng dẫn của các bộ ngành về tổ chức bộ máy	2,5	2	80,0
1.1. Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng nhiệm vụ của các CQCM cấp tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện	1	1	100,0
1.2. Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	1,5	1	66,7
2. Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao	2	2	100,0
2.1. Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	1	1	100,0
2.2. Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	1	1	100,0
3. Thực hiện phân cấp quản lý	2	2	100,0

3.1. Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do chính phủ và các bộ, ngành ban hành	0,5	0,5	100,0
3.2. Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	0,5	0,5	100,0
3.3. Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1	1	100,0

Đánh giá về tác động của cải cách tổ chức bộ máy hành chính, kết quả thực hiện quy chế đạt 74%, thấp hơn giá trị trung bình của các tỉnh là 4,86%. Bên cạnh đó, đối tượng khảo sát còn cho rằng việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính và phân cấp quản lý nhà nước vẫn còn có điểm chưa hợp lý, kết quả lần lượt là 60,67% và 74,67%. Do vậy, cần có những đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy nhằm tạo ra những bước đột phá, mở đường cho việc tháo gỡ những nút thắt trong thời gian tới.

Hình 3. 7: Tác động của CC đến tổ chức bộ máy tỉnh Kon Tum năm 2017



3.2.5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCV

Nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCV là một trong những yêu cầu cấp bách và cần thiết đối với tất cả các tổ chức. Năm 2017, chỉ số % tỉnh Kon Tum đạt 79,3% cao hơn giá

trị trung bình các địa phương (71,36%); năm 2016 đạt 60,53%. Kết quả này giúp cho thứ hạng của tỉnh lên thứ 13/63 thay vì 38/63 như năm 2016.

Bảng 3. 7: Chỉ tiêu thành phần chỉ số xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ năm 2017

	Điểm tối đa	Điểm năm 2017	Chỉ số (%)
1. Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2	2	100,00
1.1. Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm làm được phê duyệt	1	1	100,00
1.2. Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1	1	100,00
2. Tuyển dụng công chức, viên chức	1	0,5	50,00
2.1. Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã	0,5	0	0,00
2.2. Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	0,5	0,5	100,00
3. Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh	1	1	100,00
3.1. Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	0,5	0,5	100,00
3.2. Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	0,5	0,5	100,00
4. Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	3	3	100,00
5. Đánh giá, phân loại công chức, viên chức	1	0,5	50,00
5.1. Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	0,5	0,5	100,00
5.2. Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	0,5	0	0,00
6. Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1	0,97	97,00
7. Công chức cấp xã	1	0,5	50,00

7.1. Tỷ lệ đạt chuẩn công chức cấp xã	0,5	0,25	50,00
7.2. Tỷ lệ đạt chuẩn của cấp bộ cấp xã	0,5	0,25	50,00
8. Tác động của Cải cách đến quản lý cán bộ công chức	2	1,5	75,00
8.1. Tình trạng tiêu cực trong tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	1	0,76	76,00
8.2. Tính công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	1	0,74	74,00
9. Tác động của cải cách đến chất lượng đội ngũ công chức, viên chức	4	2,72	68,00
9.1. Năng lực chuyên môn của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	1	0,68	68,00
9.2. Tinh thần trách nhiệm của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	1	0,67	67,00
9.3. Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc	1	0,75	75,00
9.4. Tính hiệu quả trong việc thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính	1	0,62	62,00

Tuy vậy, kết quả các chỉ số thành phần có thể thấy còn một vài chỉ số tỉnh chưa đạt kết quả 100% bao gồm: “*Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã*” được đánh giá không đúng quy định đạt 0%; *Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức*, trong năm có cán bộ tại cấp tỉnh, huyện, xã bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên; *Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức* đạt 97%;

Cán bộ cấp xã: *Tỷ lệ đạt chuẩn công chức cấp xã* đạt 50%; *Tỷ lệ đạt chuẩn của cấp bộ cấp xã* đạt 50% cho thấy còn khoảng dưới 20% cán bộ công chức cấp xã không đạt chuẩn.

Tác động của cải cách đến quản lý đến cán bộ công chức: đạt 75% bởi vẫn còn *Tình trạng tiêu cực trong tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức* và *Tính công khai, minh*

bach trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức lần lượt đạt mức 76% và 74%.

Tác động của cải cách đến chất lượng đội ngũ công chức, viên chức đạt mức 68%. trong đó năng lực chuyên môn của công chức trong phối hợp xử lý công việc đạt 68%, tinh thần trách nhiệm của công chức trong việc phối hợp, xử lý công việc đạt 67%, *Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc* đạt 75%, *tính hiệu quả trong thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao* đạt 62%. Đây là số liệu đáng lo ngại do đó cần phải rà soát các vướng mắc, bất cập khi triển khai các chính sách trên để điều chỉnh cho phù hợp.

3.2.6. Cải cách tài chính công

Cải cách tài chính công tập trung vào đánh giá kết quả triển khai cơ chế tự chủ tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và đánh giá những tác động của việc thực hiện đến đối tượng liên quan.

Trong năm 2017, Kon Tum có giá trị trung bình đạt 74,55% đứng vị trí 33/63, cao hơn giá trị trung bình các tỉnh là 0,7%.

Bảng 3. 8: Chỉ tiêu thành phần chỉ số cải cách tài chính công

	Điểm tối đa	Điểm năm 2017	Chỉ số %
1. Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	1	1	100,0
2. Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	3	2	66,7
2.1. Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	1	0	0,0
2.2. Số đơn vị SNCL tự đảm bảo một phần chi thường xuyên	1	1	100,0
2.3. Tỷ lệ đơn vị SNCL thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng tiết kiệm chi phí thường xuyên trong năm	1	1	100,0
3. Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công	3	2,22	74,0
3.1. Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan đơn vị	1	0,76	76,0

3.2. Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính	1	0,76	76,0
3.3. Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công nghiệp	1	0,71	71,0

Phân tích kết quả các tiêu chí cho thấy, *Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên* không tăng so với năm trước. Đo lường tác động của cải cách đến quản lý tài chính công đạt 74% xếp hạng thứ 34/63; tiêu chí *Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan đơn vị* chỉ đạt 76%; *Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính* đạt 76%; *Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công nghiệp* đạt 71%.

3.2.7. Hiện đại hóa hành chính

Kết quả công tác triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan hành chính nhà nước các cấp ở địa phương năm 2017 của tỉnh Kon Tum đạt kết quả rất thấp 36,61% trong khi giá trị trung bình của các địa phương là 62,12%. Năm 2017, Kon Tum xếp thứ 61/63 tỉnh thành cả nước. Đây là kết quả đáng lưu ý của tỉnh Kon Tum trong năm.

Bảng 3. 9: Các chỉ tiêu thành phần chỉ số hiện đại hóa hành chính Kon Tum

	Điểm tối đa	Điểm năm 2017	Chỉ số %
1. Ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh	4,5	2,07	46
2. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2,5	0	0
3. Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích	2,5	0	0
4. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định	2,5	0,75	30
5. Tác động Cải cách đến hiện đại hóa hành chính	4	3,04	76
5.1. Tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh	1	0,78	78
5.2. Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin của tỉnh	1	0,76	76
5.3. Mức độ thuận tiện trong việc truy cập khai thác thông tin	1	0,8	80

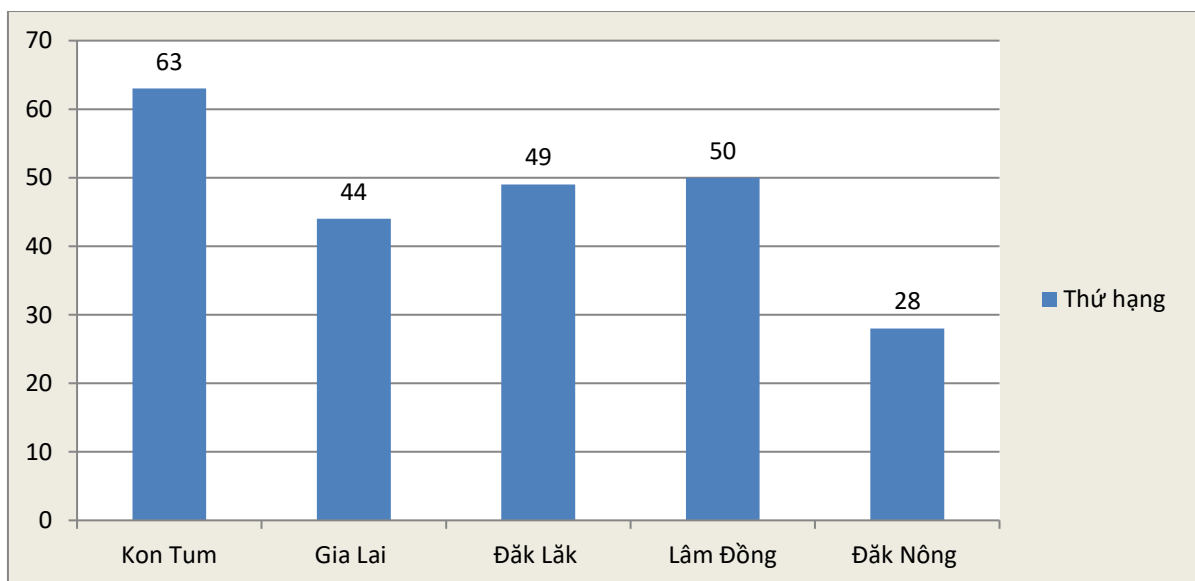
trên công/ trang thông tin điện tử của tỉnh			
5.4. Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO	1	0,7	70

Việc ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh mới đạt 46%, cung cấp dịch vụ trực tuyến hầu như bằng không, thực hiện trả kết quả, tiếp nhận hồ sơ qua bưu chính công ích cũng không có; Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 chỉ đạt 30%. Do vậy, mức độ tác động cải cách đến hiện đại hóa hành chính cũng thấp, đạt 76%.

3.2.8. Tác động của cải cách hành chính đến sự hài lòng của người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Suy cho cùng mọi nỗ lực cải cách của địa phương là để nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và phát triển kinh tế của địa phương. Kết quả đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức và kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội là minh chứng mang tính chất tổng hợp để đánh giá tác động của CCHC trong năm 2017.

Hình 3. 8: Xếp hạng các tỉnh khu vực Tây Nguyên theo chỉ số 8



Với sự đo lường tác động của CCHC đến sự hài lòng của giới hữu quan thì Kon Tum được xếp cuối bảng 63/63, tiếp đến Lâm Đồng vị trí thứ 50, Đắk Nông ở vị trí thứ 28. Như vậy xét toàn khu vực nói riêng và cả nước nói chung, Kon Tum là địa phương có sự tác động của CCHC đến hài lòng của người dân thấp nhất. Cụ thể như bảng 3.10.

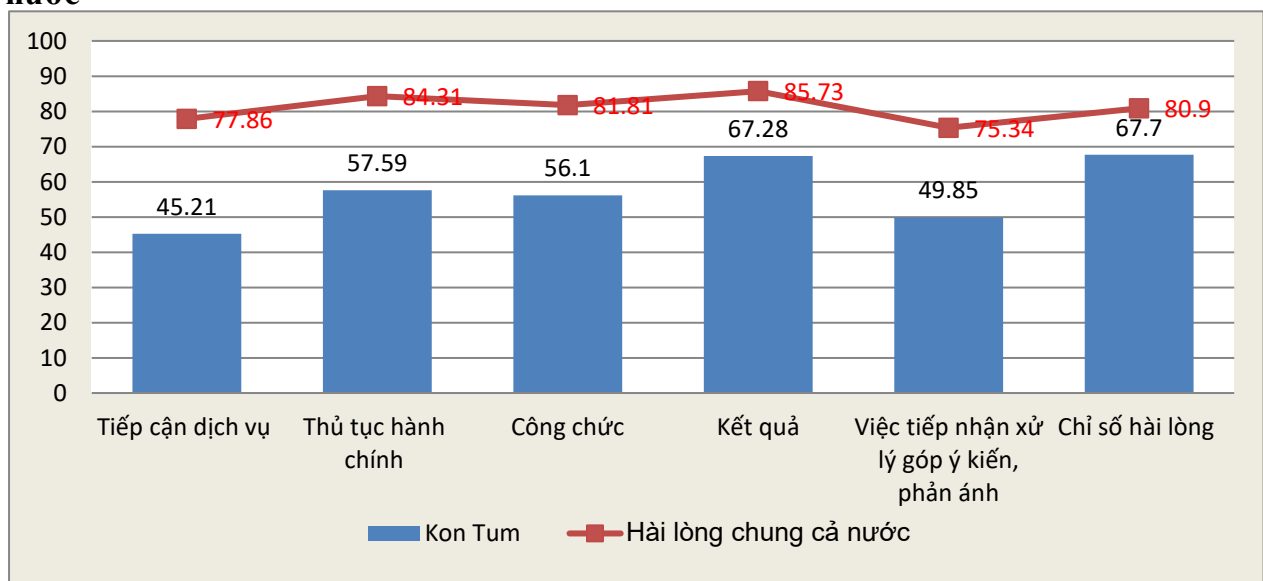
Kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ chính quyền đạt 84,7%; tác động đến sự phát triển kinh tế xã hội đạt 57,1%.

Bảng 3. 10: Tác động của CCHC đến sự hài lòng của người dân và tổ chức và phát triển kinh tế xã hội năm 2017

	Điểm tối đa	Điểm năm 2017	Chỉ số %
Tác động CCHC đến sự hài lòng của người dân, tổ chức và phát triển kinh tế xã hội	15,5	12,16	78,5%
1. Kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của chính quyền	12	10,16	84,7%
2. Tác động CCHC đến sự phát triển kinh tế xã hội	3,5	2	57,1%
2.1. Mức độ thu hút đầu tư	1	0	0,0%
2.2. Tỷ lệ doanh nghiệp mới thành lập trong năm	1	0,5	50,0%
2.3. Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo kế hoạch được chính phủ giao	1,5	1,5	100,0%

Chỉ số SIPAS năm 2017 đo lường cụ thể về sự hài lòng của người dân và tổ chức cung cấp bức tranh rõ nét hơn về hiệu quả hoạt động hành chính có ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân. Kết quả tại hình 3.9 có thể thấy tất cả các chỉ số của Kon Tum đều ở mức thấp so với giá trị trung bình của cả nước và khoảng cách chênh lệch là khá lớn. Do vậy để cải thiện và nâng cao công tác hành chính công của địa phương cần sự nỗ lực lớn của chính quyền. Sự hài lòng trong tiếp cận dịch vụ hành chính và việc tiếp nhận xử lý góp ý dưới 50%. Cao nhất là kết quả trả theo đúng quy định đạt 67,28% so với cả nước 85,73%.

Hình 3. 9: Chỉ số Sipas năm 2017 của tỉnh Kon Tum so với giá trị trung bình cả nước



PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP

4.1. Đánh giá chung

4.1.1. Những kết quả đạt được

Năm 2017, công tác cải cách hành chính được chính quyền địa phương tỉnh Kon Tum có quan tâm triển khai thực hiện với nhiều giải pháp đồng bộ. Nền hành chính bắt đầu có những bước chuyển biến tích cực theo hướng nền hành chính phục vụ, chuyên nghiệp, hiện đại, năng động, trách nhiệm đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của người dân.

Việc đánh giá và xem xét lại các chỉ số này hàng năm giúp cho chính quyền địa phương có góc nhìn cụ thể, đa chiều hơn về quá trình phục vụ của tổ chức trong thời gian qua. Điều này cho thấy UBND tỉnh đặt tầm quan trọng của cải cách hành chính ngày càng cao.

Trong năm 2017, Kon Tum có những bước chuyển khá so với năm 2016 trên cả hai chỉ số Papi và Par index.

Với chỉ số Papi, chỉ số trách nhiệm giải trình với người dân được cải thiện rõ rệt, được xếp vào nhóm đạt điểm cao nhất, 2 chỉ số tham gia của người dân và cung ứng dịch vụ công xếp vào nhóm trung bình thấp.

Về chỉ số Par index, một vài chỉ số được cải thiện trong năm 2017 so với năm 2016 như xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC.

4.1.2. Tồn tại, hạn chế

Xét trên kết quả đánh giá của 2 chỉ số Papi và Par index cho thấy hệ thống chính quyền còn gặp khá nhiều khó khăn và cần nhiều nỗ lực để giải quyết những hạn chế của hệ thống.

Với chỉ số Papi cần nỗ lực cải thiện 5 chỉ số: tham gia của người dân ở cấp cơ sở, công khai minh bạch, kiểm soát tham nhũng trong khu vực công, thủ tục hành chính và cung ứng dịch vụ công.

Với chỉ số Par index: 8 chỉ số thành phần hầu hết tỉnh Kon Tum đang yếu, đặc biệt chỉ số tác động cải cách đến sự hài lòng của người dân.

4.2. Kiến nghị

4.2.1. Kiến nghị chung

+ Hoàn thiện hệ thống thủ tục hành chính

Hiện nay, hầu hết các địa phương đã triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phần mềm để cập nhật các thông tin, văn bản pháp luật. Do vậy, để cải thiện chỉ số công khai, minh bạch (chỉ số 2 trong papi) và hiện đại hóa hành chính (chỉ số 7 của par index) thì đây là việc trước mắt cần thực hiện.

Các địa phương cần rà soát các thủ tục hành chính xem xét xem hiện nay thủ tục nào có thể sử dụng mạng internet mà không cần người dân đến trực tiếp tại cơ quan đơn vị hành chính để thực hiện. Sau đó, triển khai áp dụng thực tế.

+ Xây dựng đội ngũ nhân sự:

Nguồn nhân lực chất lượng cao là tài sản, là trụ cột của đơn vị, của địa phương, do vậy việc tuyển chọn đội ngũ này rất quan trọng, tuy nhiên, thực trạng “lót tay” để có việc làm trong cơ quan nhà nước là khá phổ biến. Do vậy, những người khi được nhận vào làm thì không đủ chuyên môn, năng lực, gây lãng phí nguồn lực của nhà nước rất nhiều, cho nên khuyến nghị tỉnh nên có các biện pháp thắt chặt hơn trong vấn đề này.

4.2.2. Kiến nghị nâng cao chỉ số Papi

Thứ nhất: với sự tham gia của người dân cấp cơ sở

cần phổ biến tuyên truyền đến người dân nhiều hơn, để họ có thể tiếp cận thông tin dễ dàng nhất, từ đó thực hiện đúng theo nghĩa vụ và quyền lợi của họ là “dân biết, dân bàn, dân kiểm tra”. Bởi đa phần người dân có trình độ dân trí còn thấp nên công tác này cần được nhấn mạnh và triển khai. Cụ thể cần cải thiện chỉ tiêu “cơ hội tham gia tìm hiểu trải nghiệm của người dân khi tham gia bầu cử tại các vị trí dân cử” và chất lượng bầu cử. Cần xem xét và chỉ rõ vì sao chất lượng bầu cử thấp, người dân tham gia bầu cử như thế nào, việc vận động người dân đến bầu cử, cơ sở hạ tầng cho bầu cử...

Thứ hai: Chỉ số công khai minh bạch

+ Chính quyền cần công khai minh bạch các ngân sách thu chi của chính quyền địa phương, nhất là chính quyền cấp xã, phường thị trấn.

+ Địa phương cần công khai danh sách hộ nghèo, đưa ra các tiêu chí lựa chọn hộ nghèo xác đáng và công bố rộng rãi cho người dân trong thôn được biết.

+ Cần công khai kế hoạch sử dụng đất và giá đất cho người dân so cho họ dễ dàng tìm hiểu nhất. Có thể công bố tại các văn phòng UBND xã hoặc tại các website của địa phương. Nếu đã công bố thì nên có hướng dẫn chỉ rõ địa chỉ để người dân dễ dàng tìm kiếm thông tin này.

Thứ ba: Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công

Theo như chỉ số Papi đã chỉ rõ, việc tham nhũng vặt trong khu vực công rất cao và người dân dường như không tố cáo những trường hợp này bởi vì họ nghĩ rằng có kiện cũng chẳng được lợi ích gì làm cho thực trạng này ngày càng tiếp diễn mạnh mẽ hơn. Do vậy, các tỉnh cần có những biện pháp khuyến khích người dân tố giác những trường hợp vi phạm, đặc biệt trong ngành y và giáo dục tiểu học.

+ Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công: thông qua chỉ số khảo sát Sipas hàng năm, sở nội vụ cần rà soát lại những nhóm dịch vụ công nào đang tạo ra tham nhũng. Từ đó, thiết kế lại quy trình hoặc hiệu chỉnh quy trình thực hiện mà vẫn đảm bảo được các thủ tục cần thiết.

+ Kiểm soát tham nhũng trong tuyển dụng vào nhà nước:

Chỉ số Par index cũng chỉ rõ vẫn còn tình trạng này khi tuyển dụng, do vậy, cần thiết lập lại các phương pháp tuyển dụng để tránh được tình trạng này.

Thứ tư: thủ tục hành chính công

Việc cấp phép xây dựng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang tạo ra những hạn chế nhất định cho người dân. Cần mô tả các bước, quy trình cấp phép rõ ràng ngay tại các cửa ra vào của UBND xã, phường để người dân dễ dàng thực hiện.

Thứ năm: Cung ứng dịch vụ công

Cần nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục tiểu học công lập và an ninh tại địa bàn khu dân cư.

4.2.3. Kiến nghị nâng cao chỉ số Par index

Thứ nhất, công tác chỉ đạo điều hành CCHC

+ Xây dựng cơ chế khuyến khích sáng kiến giải pháp mới trong cải cách hành chính. Hiện tỉnh không có sáng kiến nào hàng năm, do vậy, cần thiết lập các cơ chế khen thưởng cho hoạt động này.

+ Thực hiện chế độ báo cáo: cần có các báo cáo hàng năm về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức viên chức. Các báo cáo này cần xác định rõ nhu cầu, kinh phí, lợi ích chi phí sau đào tạo, có như vậy mới không lãng phí ngân sách cho hoạt động này. Ngoài ra,

cần xây dựng báo cáo định kỳ về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin của địa phương hàng năm.

Thứ hai, Xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL tại tỉnh

+ Cần rà soát tính đồng bộ thống nhất các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

+ Cần có những biện pháp theo dõi nhằm phát hiện và xử lý các vướng mắc, bất cập trong tổ chức thực hiện VNQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh.

Thứ 3: Cải cách thủ tục hành chính

+ Công khai thủ tục hành chính: cụ thể cần công khai thủ tục hành chính đầy đủ, đúng quy trình tại cấp huyện, xã; và công khai trên các cổng thông tin điện tử của tỉnh cũng như của cơ quan.

+ Cần giải quyết đúng hạn hồ sơ thủ tục hành chính ở cấp huyện. UBND cần yêu cầu các huyện báo cáo hàng quý về công tác giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính nhằm hạn chế được tình trạng trên.

Thứ tư: cải cách tổ chức bộ máy hành chính

+ Rà soát lại bộ máy theo quy định của bộ nội vụ, cụ thể thiết lập lại cơ cấu tổ chức của lãnh đạo tại các cơ quan hành chính không để tình trạng quá nhiều lãnh đạo trong phòng ban so với cán bộ chuyên môn.

+ Tính hợp lý trong sắp xếp bộ máy đang là hạn chế lớn. Do vậy, khi xây dựng lại bộ máy cần xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, chức năng sau đó thiết lập bảng mô tả công việc và tiêu chuẩn thực hiện công việc cụ thể tại từng vị trí. Từ đó để có sự sắp xếp hợp lý hơn.

Thứ năm, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVN

+ Rà soát vì sao việc thực hiện quy định tuyển dụng tại cấp xã, huyện và tỉnh không hợp lý.

+ Hoàn thiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo đúng quy định

+ Các cán bộ và công chức cấp xã không đạt chuẩn đang chiếm tỷ lệ cao. UBND cần rà soát lại các cán bộ hoặc công chức chưa đạt chuẩn cần có những hình thức xử lý kịp thời như cho đào tạo, bồi dưỡng, hoặc thuyên chuyển.

+ Việc cải cách hành chính cho thấy tình trạng tiêu cực trong tuyển dụng vẫn còn, tính công khai, minh bạch trong tuyển dụng chưa cao. Do vậy những quy trình trong tuyển dụng cần công bố cụ thể tại các cổng thông tin điện tử của địa phương.

+ Công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn trục lợi cá nhân vẫn còn, các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đạt hiệu quả thấp. Chỉ tiêu này kéo theo chỉ số Sipas thấp qua các năm. Do vậy, chính quyền cần quyết liệt làm rõ những công chức nào vi phạm điều này có thể cho chuyển chuyên, nghỉ việc hoặc có những hình thức kỷ luật thích đáng tạo tính răn đe bằng cách hàng tháng tỉnh có thể thiết kế những chính sách sao cho đánh giá được sự hài lòng của người dân ngay khi họ vừa thực hiện xong giao dịch với cán bộ công chức đó.

Thứ 6: Cải cách tài chính công

+ Đưa ra các cơ chế khuyến khích CBCC tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng tài sản của cơ quan.

+ Cần xây dựng các khóa bồi dưỡng về việc nâng cao tính hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

Thứ 7: hiện đại hóa hành chính

+ Rà soát các thủ tục hành chính nào hiện nay người dân có thể thực hiện giao dịch qua cổng thông tin điện tử.

+ Bước đầu triển khai, hướng dẫn cán bộ thực hiện các giao dịch qua cổng thông tin điện tử của địa phương.

+ Thực hiện tiếp nhận và trả hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.

+ Yêu cầu các cấp báo cáo về việc áp dụng quản lý chất lượng ISO 9001, từ đó có những định hướng tiếp theo từ các báo cáo này.

Thứ tám: tác động của CCHC đến sự hài lòng của người dân và phát triển kinh tế xã hội

+ Về tiếp cận dịch vụ: bố trí nơi ngồi chờ cho người dân, trang thiết bị sử dụng hiện đại, dễ sử dụng.

+ Về thủ tục hành chính: Thủ tục nên nghiêm yết chính xác, quy trình cần thể hiện rõ các bước cần thực hiện cho người dân, mức phí, lệ phí cần nộp cũng cần được công khai.

+ Về công chức: cần có thái độ lịch sự, lắng nghe ý kiến, tuân thủ đúng quy định trong giải quyết công việc, nếu công chức nào có biểu hiện sai phạm tham nhũng trong quá trình thực hiện hoặc thái độ không tốt cần có những biện pháp mạnh mẽ răn đe.

+ Về cơ quan tiếp nhận, xử lý các góp ý, phản ánh của người dân: cần tạo cơ chế khuyến khích dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.

+ Cần rà soát cơ chế khuyến khích thu hút đầu tư vào các lĩnh vực trọng yếu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ nội vụ, Báo cáo Papi 2017, Hà Nội năm 2018.
- [2] Bộ nội vụ, Báo cáo Papi 2016, Hà Nội năm 2017
- [3] Bộ nội vụ, Báo cáo chỉ số Par index năm 2016, Hà Nội năm 2017.
- [4] Bộ nội vụ, Báo cáo chỉ số Par index năm 2017, Hà Nội năm 2018.
- [5] Bộ nội vụ, Báo cáo chỉ số Sipas 2017, Hà Nội năm 2018.